

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4103003305 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 04 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 01 năm 2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO
Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết: 2.706.000 cổ phiếu.
Tổng giá trị niêm yết: 27.060.000.000 đồng (Hai mươi bảy tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng).

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Trụ sở chính: Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh: 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (84 - 04) 3928 8080
Fax: (84 - 04) 3928 9888

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán

Trụ sở: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84 - 04) 8241 990
Fax: (84 - 04) 8253 973

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. RỦI RO KINH TẾ	5
2. RỦI RO LUẬT PHÁP.....	5
3. RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU	6
4. RỦI RO TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI.....	7
5. RỦI RO HÀNG GIẢ VÀ HÀNG KÉM PHẨM CHẤT	7
6. RỦI RO KHÁC	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	9
1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT	9
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN	9
III. CÁC KHÁI NIỆM	9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	10
1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	10
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển	10
1.2. Giới thiệu về Công ty	11
2. CƠ CẤU TỔ CHỨC.....	12
3. SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC.....	12
4. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY.....	13
5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG; DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN (CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT) CỦA SAFOCO TẠI THỜI ĐIỂM 09/03/2009.	13
5.1. Cơ cấu cổ đông của SAFOCO.....	13
5.2. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY TẠI THỜI ĐIỂM 09/03/2009:.....	14
6. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	14
6.1. Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO:	14
6.2. Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối:	15
7. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	15
7.1. Các nhóm sản phẩm chính của Công ty	15
7.2. Doanh thu, lợi nhuận qua các năm.....	19
7.3. Nguyên vật liệu.....	19
7.4. Chi phí.....	21

7.5.	Trình độ công nghệ	22
7.6.	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	26
7.7.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ.....	26
7.8.	Hoạt động Marketing.....	28
7.9.	Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ.....	31
7.10.	Các Hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết.....	31
8.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 02 NĂM GẦN NHẤT ...	33
8.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong hai năm 2007 và 2008.....	33
8.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008.	34
9.	VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH ...	36
9.1.	Vị thế của Công ty trong ngành	36
9.2.	Triển vọng phát triển của ngành.....	38
10.	CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	39
10.1.	Số lượng người lao động trong Công ty	39
10.2.	Chính sách đối với người lao động.....	39
11.	CHÍNH SÁCH CỔ TỨC	41
12.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH.....	42
12.1.	Các chỉ tiêu cơ bản.....	42
12.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	45
13.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	46
13.1.	Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	46
13.2.	Danh sách thành viên Ban Kiểm soát.....	51
13.3.	Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc.....	54
14.	TÀI SẢN.....	54
14.1.	Giá trị tài sản cố định	54
14.2.	Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng	55
15.	KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC GIAI ĐOẠN 2009 - 2011.....	55
15.1.	Định hướng phát triển của SAFOCO tới năm 2011	55
15.2.	Kế hoạch đầu tư.....	56
15.3.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2009 – 2011.....	57
16.	ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC.....	57
17.	THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY.	58
18.	CÁC THÔNG TIN TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY CÓ THỂ GÂY ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	58
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	58
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT.....	62

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN:	62
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:	62
VII. PHỤ LỤC.....	63
1. PHỤ LỤC I : GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH	63
2. PHỤ LỤC II : ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO	63
3. PHỤ LỤC III : BÁO CÁO KIỂM TOÁN NĂM 2007 VÀ NĂM 2008.	63
4. PHỤ LỤC IV : SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG	63
5. PHỤ LỤC V : NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA VIỆC.....	63
NIÊM YẾT	63



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. RỦI RO KINH TẾ

- ✚ Tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu nhập bình quân đầu người có ảnh hưởng đến việc tiêu thụ các mặt hàng thực phẩm đóng gói. Khi nền kinh tế tăng trưởng mạnh, thu nhập của người dân cao, đời sống vật chất được đảm bảo và không muốn dành quá nhiều thời gian cho việc chế biến các món ăn thì việc sử dụng ngày càng nhiều các mặt hàng thực phẩm được đóng gói sẵn là đương nhiên. Nếu nền kinh tế lâm vào tình trạng khủng hoảng, thu nhập người dân sụt giảm, không đảm bảo những nhu cầu sinh hoạt tối thiểu hàng ngày thì ngành sản xuất các mặt hàng thực phẩm đóng gói chắc chắn bị tác động. Tuy vậy, mức độ tác động của việc suy giảm kinh tế đến nhu cầu hàng thực phẩm thiết yếu không nhiều vì đây là mặt hàng có độ co giãn về giá thấp.
- ✚ Sau khi duy trì ở mức tăng trưởng khá cao (bình quân 8% trong giai đoạn 2003 – 2007), kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng chậm lại trong năm 2008, đạt 6,18%. Nguyên nhân chính của việc suy giảm là do cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu bắt đầu từ khủng hoảng tài chính cho vay bất động sản dưới chuẩn ở Mỹ. Cuộc khủng hoảng đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình nhập khẩu của các nước Mỹ, Nhật Bản và Châu Âu – vốn là các khách hàng chủ lực của xuất khẩu Việt Nam (chiếm hơn 50% tổng kim ngạch xuất khẩu Việt Nam). Theo dự báo của Chính phủ Việt Nam GDP sẽ tăng 5% - 5,5% trong năm 2009. Theo báo cáo cập nhật tháng 04/2009, World Bank đã dự báo Việt Nam sẽ tăng trưởng 5,5% năm 2009. Đây là mức tăng trưởng dự báo cao nhất trong khu vực Đông Nam Á. Xét về trung và dài hạn, các chuyên gia kinh tế và các định chế tài chính lớn vẫn đánh giá cao tiềm năng tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam. Do vậy rủi ro này ảnh hưởng không lớn đối với tình hình hoạt động kinh doanh của SAFOCO trong thời gian tới do Công ty sẽ thực hiện chiến lược tập trung phát triển thị trường nội địa.

2. RỦI RO LUẬT PHÁP

- ✚ Có thể nói, mì nui là một trong những sản phẩm cần thiết trong cuộc sống hàng ngày của con người, đảm bảo được nhu cầu dinh dưỡng của các tầng lớp dân cư trong xã hội. Mặt khác, các doanh nghiệp sản xuất mì nui nhìn chung sử dụng nhiều lao động và các nông

sản do trong nước sản xuất như bột mì, bột gạo, đường, trứng, sữa,... Vì vậy, ngành sản xuất mì nui được Nhà nước dành cho những chính sách ưu đãi nhất định, cụ thể là những ưu đãi trong Luật Khuyến khích đầu tư trong nước về tiền thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu máy móc thiết bị,...

- Những ràng buộc pháp lý đối với ngành sản xuất mì, nui chủ yếu liên quan đến an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo chất lượng và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Đây cũng là những vấn đề được Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO từ nhiều năm nay rất chú trọng và xem là chiến lược lâu dài của Công ty.

Vì vậy, xét toàn cảnh môi trường pháp lý và tình hình thực tế của Công ty, rủi ro pháp luật ít có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3. RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Do nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm (khoảng 65% đến 70%) nên biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến lợi nhuận của Công ty. Rủi ro tăng giá nguyên vật liệu bao gồm:

- Vì nguyên liệu chính Công ty sử dụng là bột mì, bột gạo. Mặc dù đây là những loại nông sản chính của ngành nông nghiệp nước ta nhưng sản lượng vẫn có thể bị ảnh hưởng bởi thời tiết luôn biến động như lũ lụt, hạn hán... làm ảnh hưởng đến sản lượng thu hoạch được, có thể gây khan hiếm về nguyên vật liệu. Tuy nhiên, do Công ty luôn có dự trữ về nguyên vật liệu và có nhiều bạn hàng thu mua nên nhìn chung nguồn nguyên vật liệu sẽ không chịu nhiều tác động.
- Dịch cúm gia cầm: Từ cuối năm 2006 đến nay đã xảy ra vài đợt dịch cúm gia cầm, gây biến động lớn về giá trứng gà, một trong những nguyên liệu chính sản xuất mặt hàng mì, nui của Công ty.
- Ảnh hưởng của lạm phát: Năm 2008 là năm có chỉ số giá tiêu dùng bình quân cao nhất kể từ năm 1992, đạt 23%. Do ảnh hưởng của lạm phát, gần đây giá một số loại nguyên nhiên liệu đầu vào tăng đột biến như: đường tăng 20%, bột tăng 40%, sữa tăng 17%, bao bì

nhựa tăng 10%. Nguyên nhân chính của lạm phát ở Việt Nam hiện nay cũng vì giá xăng dầu tăng làm kéo theo các ngành nghề, các mặt hàng đều tăng giá đồng loạt.

Tóm lại, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng lớn của những rủi ro về giá nguyên vật liệu. Tuy nhiên, nếu tình trạng tăng giá nguyên vật liệu diễn ra trong thời gian dài thì thị trường sẽ đồng loạt điều chỉnh giá bán ra sản phẩm cho tất cả các ngành hàng, khi đó Công ty có thể tăng giá bán ra, doanh thu tăng và triệt tiêu được ảnh hưởng của rủi ro tăng giá nguyên vật liệu đến lợi nhuận của Công ty.

4. **RỦI RO TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI**

Doanh thu từ xuất khẩu chiếm khoảng 10% tổng doanh thu của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO nên tỷ giá hối đoái được xem là một vấn đề quan trọng đối với sự phát triển của hoạt động xuất khẩu của Công ty. Ngoài ra, hầu hết máy móc thiết bị của Công ty đều mua từ nước ngoài, do đó các dự án đầu tư mới cũng phải gánh chịu rủi ro từ những thay đổi trong tỷ giá hối đoái.

5. **RỦI RO HÀNG GIẢ VÀ HÀNG KÉM PHẨM CHẤT**

Cũng như một số thị trường đang phát triển khác, thị trường Việt Nam vẫn bị ảnh hưởng nặng nề bởi nạn hàng giả. Hàng giả với nguồn gốc xuất phát chủ yếu từ trong nước được bán lẫn với hàng thật, và đôi khi thông qua cả hệ thống đại lý phân phối chính thức tới tay người tiêu dùng, gây ảnh hưởng không nhỏ tới những nhãn hiệu nổi tiếng. Thêm vào đó, mì, nui còn được sản xuất từ những cơ sở sản xuất nhỏ không nhãn hiệu, nguồn gốc, niên hạn sử dụng, không qua cơ quan kiểm duyệt thực phẩm, tuy không ảnh hưởng trực tiếp tới những nhãn hiệu nổi tiếng, nhưng lại tác động xấu đến sức khỏe người tiêu dùng.

Trên thực tế, kiến thức tiêu dùng của xã hội ngày càng được nâng cao do người tiêu dùng - nhất là người tiêu dùng thành thị hiện nay được tiếp cận với rất nhiều nguồn thông tin từ báo chí, internet,... Vì vậy hàng giả sản phẩm của Công ty chỉ có thể xuất hiện ở một số vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Công ty đã tích cực triển khai các chương trình chống hàng giả thông qua việc nâng cấp bao bì sản phẩm, tổ chức việc tiếp nhận thông tin từ nhiều nguồn khác nhau về hàng giả, phối hợp với các cơ quan chức năng phát hiện hàng giả trên thị

trường,... Vì vậy thời gian gần đây số lượng hàng giả nhãn hiệu SAFOCO đã có dấu hiệu giảm.

6. RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch hoặ, hoả hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

Để giảm thiểu tác động của các rủi ro bất khả kháng trên, Công ty đã ký hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro cho tài sản (trị giá của tài sản và hàng hóa là 105.873 triệu đồng) với Công ty Bảo hiểm Bảo Minh Sài Gòn, tổng phí bảo hiểm là 128.106.000 đồng/năm.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Bà PHẠM THỊ THU HỒNG	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO
Ông NGUYỄN TUẤN BAO	Chức vụ: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO
Ông HUỲNH ANH MINH	Chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO
Ông VÕ TRƯỜNG HÙNG	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO
Bà NGUYỄN THỊ NGÀ	Chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Ông NGUYỄN QUANG VINH	Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
------------------------------	--

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin phép niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- Công ty: Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO
- Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO
- SAFOCO: Tên viết tắt của Công ty CP Lương thực Thực phẩm SAFOCO

- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDKK: Sở Giao dịch Chứng khoán(hoặc Trung tâm Giao dịch chứng khoán)
- CBCNV Cán bộ công nhân viên
- BHXH: Bảo hiểm xã hội
- CNĐKKD: Chứng nhận đăng ký kinh doanh

IV. **TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**

1. **TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN**

1.1. **Lịch sử hình thành và phát triển**

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO tiền thân là Cửa hàng Lương thực - Thực phẩm Số 4 được **thành lập năm 1995** theo Quyết định số 224/STM-QĐ ngày 29/04/1995 của Sở Thương mại Tp.HCM, là đơn vị kinh tế hạch toán phụ thuộc và chịu sự quản lý trực tiếp của Công ty Lương thực Tp.HCM.

Đến năm 1999 Cửa hàng được đổi tên thành Xí nghiệp Lương thực - Thực phẩm SAFOCO theo Quyết định số 033/QĐ-HĐQT ngày 10/05/1999 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Lương thực Miền Nam.

Năm 2004 Xí nghiệp đã tiến hành cổ phần hóa và chuyển hình thức doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 4451/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Năm 2005 Xí nghiệp chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần kể từ ngày 01/05/2005 theo Giấy phép kinh doanh Số 4103003305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/04/2005 với Vốn Điều lệ là **22.000.000.000 đồng** (Hai mươi hai tỷ đồng), trong đó Nhà nước nắm giữ 51,29%. Đây là một bước ngoặt quan trọng đánh dấu sự phát triển và vị thế của SAFOCO trong ngành chế biến lương thực - thực phẩm khi chuyển từ một đơn vị doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động sản xuất - kinh doanh dưới hình thức Công ty cổ phần.

Năm 2006 để huy động vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006 đã thông qua Phương án phát hành thêm 5 tỷ đồng do Hội đồng quản trị Công ty đề xuất. Hiện nay Công ty đang hoạt động với Vốn Điều lệ là **27.060.000.000 đồng** (Hai mươi bảy tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng).

Ngày 28/12/2006 là ngày đầu tiên giao dịch của cổ phiếu SAFOCO với mã chứng khoán SAF tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Việc niêm yết cổ phiếu đã giúp nâng cao hình ảnh, thương hiệu của Công ty.

Các giải thưởng tiêu biểu của Công ty qua 14 năm hình thành và phát triển:

Công ty đã đạt được Cờ thi đua Chính phủ trong giai đoạn 2001-2008, huân chương lao động

hạng III năm 1990, huân chương lao động hạng II năm 1997, huân chương lao động hạng I giai đoạn 2000 – 2004.

1.2. Giới thiệu về Công ty

- ✚ Tên Công ty: Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO
- ✚ Tên tiếng Anh: SAFOCO FOODSTUFF JOINT STOCK COMPANY



- ✚ Biểu tượng của Công ty:
- ✚ Vốn điều lệ: 27.060.000.000 VNĐ
- ✚ Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm 09/03/2009:

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ trọng
Tổng Công ty Lương thực miền Nam (Cổ đông Nhà nước)	1	1.387.930	13.879.300.000	51,29%
Cổ đông trong Công ty	23	322.290	3.222.900.000	11,91%
Cổ đông ngoài Công ty	456	995.780	9.957.800.000	36,80%
Tổng cộng	480	2.706.000	27.060.000.000	100,00%

(Nguồn : SAFOCO)

- ✚ Trụ sở chính: Số 7/13-7/25 Đường Kha Vạn Cân, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
 - ✚ Điện thoại: (84 - 08) 37245 264 Fax: (84 - 08) 37245 263
 - ✚ Email: safoco@hcm.vnn.vn
 - ✚ Website: www.safocofood.com
- Giấy CNĐKKD: Số 4103003305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/04/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 20/01/2009. Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập là 22.000.000.000 đồng.

- ✚ Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
 - Sản xuất mì, mì sợi, bún, nui, các loại từ tinh bột, bột mì;
 - Chế biến các mặt hàng lương thực, thực phẩm (không chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở);
 - Mua bán các mặt hàng lương thực, thực phẩm, công nghệ phẩm, nông - thủy - hải sản, vải sợi, quần áo, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, mỹ phẩm, hàng trang sức, bóp ví, giày da, văn phòng phẩm, hàng sành sứ - thủy tinh, các loại thức uống nhanh, hàng tươi sống, nhựa gia dụng, rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước (không kinh doanh dịch vụ ăn uống);
 - Sản xuất bánh tráng;
 - Mua bán vật liệu xây dựng;
 - Đại lý kinh doanh xăng dầu;

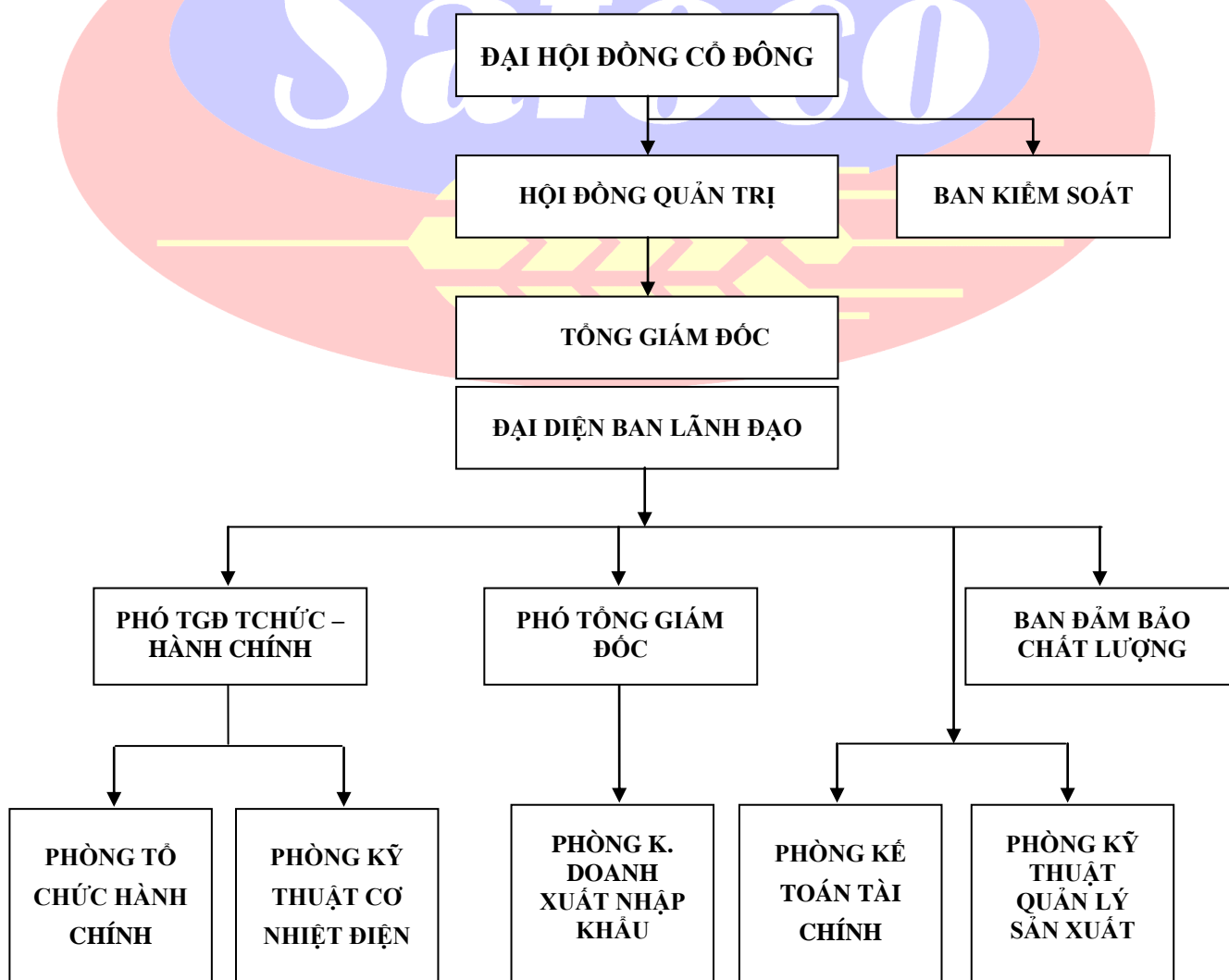
- Cho thuê nhà xưởng;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở);
- Sản xuất đồ trang trí nội thất (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí và sản xuất hàng gốm sứ - thủy tinh tại trụ sở).

✚ Thời hạn hoạt động của Công ty: 50 năm kể từ ngày thành lập.

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp 2005, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty. Điều lệ Công ty bản sửa đổi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 09/04/2008 là cơ sở chi phối mọi hoạt động của Công ty.

3. SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC



5. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và người được cổ đông ủy quyền.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa 2 kỳ Đại hội. Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, nhiệm kỳ mỗi thành viên là 03 năm.

Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ 03 năm.

Ban Tổng Giám đốc: Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc có nhiệm kỳ là 03 năm.

6. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG; DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẴM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN (CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT) CỦA SAFOCO TẠI THỜI ĐIỂM 09/03/2009.

6.1. Cơ cấu cổ đông của SAFOCO.

Căn cứ danh sách cổ đông tại ngày 09 tháng 03 năm 2009, cơ cấu cổ đông của SAFOCO như sau:

Stt	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
A	Tổng số cổ phần	2.706.000	100,00%
1	Cổ đông sở hữu trên 5% vốn điều lệ	1.387.930	51,29%
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% vốn điều lệ	634.730	23,46%
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% vốn điều lệ	683.340	25,25%
4	Cổ phiếu quỹ	0	0,00%
B	Trong đó		
1	Cổ đông trong nước	2.610.060	96,45%
	Cá nhân	969.920	35,84%
	Tổ chức	1.640.140	60,61%
2	Cổ đông nước ngoài	95.940	3,55%
	Cá nhân	65.940	2,44%
	Tổ chức	30.000	1,11%
	Tổng cộng	2.706.000	100,00%

(Nguồn: SAFOCO)

6.2. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẴM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY TẠI THỜI ĐIỂM 09/03/2009:

Stt	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	42 Chu Mạnh Trinh, Quận 1, Tp.HCM	1.387.930	13.879.300.000	51,29%
Tổng cộng			1.387.930	13.879.300.000	51,29%

(Nguồn: SAFOCO)

7. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

7.1. Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	42 Chu Mạnh Trinh, Quận 1, Tp.HCM	1.387.930	13.879.300.000	51,29%

Tổng công ty Lương thực Miền Nam, tiền thân là Tổng công ty lúa gạo Miền Nam được thành lập năm 1975, sau đó đổi tên là Tổng công ty lương thực Trung ương II (thường gọi là Vinafood II), được tái thành lập năm 1995 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trở thành Tổng công ty Nhà nước dẫn đầu trong lĩnh vực kinh doanh Lương thực. Với 21 Đơn vị thành viên (Mỗi đơn vị thuộc mỗi tỉnh miền Nam bao gồm đồng bằng sông Cửu Long, vựa lúa của Việt Nam), các trang thiết bị và máy móc hiện đại, đội ngũ cán bộ được đào tạo tốt và có kinh nghiệm từ hoạt động kinh doanh quốc tế những năm qua.



Ngành nghề kinh doanh:

Mua bán, xay xát, chế biến, bảo quản lương thực, thực phẩm, bột mì, lúa mì, nông sản. Mua bán thủy sản, phân bón, máy móc phục vụ ngành nông nghiệp, gỗ và các sản phẩm từ gỗ, vật tư, thiết bị, máy móc ngành công-nông nghiệp, rượu, bia, thuốc lá điều (sản xuất trong nước). Kinh doanh bất động sản. Quản lý khai thác cảng biển, bến thủy nội bộ. Dịch vụ hỗ trợ vận chuyển đường thủy. Sửa chữa phương tiện vận tải thủy bộ. Dịch vụ cho thuê kho bãi (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp

có thẩm quyền phê duyệt). Sản lập mặt bằng. Dịch vụ tư vấn kỹ thuật điện, cơ khí, xây dựng. Sản xuất, đóng mới các phương tiện vận tải thủy. Sản xuất, mua bán thức ăn chăn nuôi. Nuôi, chế biến thủy hải sản. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác, mua bán nước uống tinh khiết, nước khoáng. Dịch vụ hỗ trợ trồng trọt, cung cấp giống cây trồng, thu hoạch cây trồng. Quảng cáo thương mại. Tiếp thị. Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế. Kinh doanh khách sạn. Nhà hàng ăn uống (không sản xuất, khai thác, chế biến, sửa chữa tại trụ sở công ty). Bổ sung: Mua bán phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị xây dựng. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa. Sản xuất, mua bán nước đá tinh khiết, bánh tráng. Chế biến, mua bán gia súc, gia cầm (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán, bảo dưỡng, bảo trì: xe ô tô, xe máy. Sản xuất và mua bán bao bì (trừ tái chế phế thải tại trụ sở). Bán lẻ thực phẩm chế biến, thực phẩm khô, đồ hộp, nước giải khát có gas, sữa và sản phẩm từ sữa, thủy sản, rau, hoa quả tươi, thịt và sản phẩm từ thịt, rượu, bia, thuốc lá điếu sản xuất trong nước, vải, quần áo may sẵn, giày dép, bóp, túi xách, hàng da tổng hợp, mỹ phẩm, hàng mỹ nghệ, đồ điện gia dụng, đồ gia dụng nội thất, giường, tủ, bàn, ghế, đồ dùng cá nhân và gia đình, đồ trang sức, đồng hồ, văn phòng phẩm, thiết bị ngành ảnh, thiết bị thu hình-thu thanh, đồ kim khí điện máy, thiết bị văn phòng, máy tính, linh kiện điện tử, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội)/.

Địa chỉ: 42 Chu Mạnh Trinh, P.Bến Nghé, Quận 1. TP.Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 83 292 342

Fax: (08) 83 298 001

Vốn điều lệ: 1.258.000.000.000 đồng.

Giấy CNĐKKD: số 4106000338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 02 năm 2007.

Ngày thành lập: ngày 24 tháng 05 năm 1995 (theo Quyết định số 311/QĐ- TTg)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Thanh Phong - Tổng Giám đốc Công ty

7.2. **Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối:**

Không có.

8. **HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

8.1. **Các nhóm sản phẩm chính của Công ty**

Hiện nay Công ty đang sản xuất 4 nhóm sản phẩm: mì, nui, bún và bánh tráng.

a. **Mì**

Mì là sản phẩm có thành phần chủ yếu là bột mì, trứng, muối, gia vị. Với công suất sản xuất 18 tấn/ngày, sản phẩm Mì là một trong các sản phẩm chủ lực của Công ty. Các chủng loại Mì

của Công ty khá đa dạng gồm:

- Mì chay: mì chay thượng hạng (loại 250g và 350g) và mì thường (loại 500g).
- Mì trứng: mì trứng thượng hạng (loại 200g và 400g) và mì cao cấp (loại 350g và 500g).
- Mì rau củ: loại 250g và 500 g.

Cơ cấu nguyên vật liệu:

STT	Nguyên vật liệu	Tỷ lệ (%)
1	Bột mì	65,03
2	Trứng	11,97
3	Muối, gia vị	1,88
4	Băng keo, Thùng	8,50
5	Túi	12,62
Tổng cộng		100,00

b. Nui

Thành phần chính của Nui là bột mì, bột gạo ứt, tinh bột khô... Nui là sản phẩm chính của Công ty có công suất sản xuất lớn nhất, khoảng trên 18 tấn/ngày. Do ưu thế về công nghệ, hiện nay SAFOCO là nhà sản xuất Nui lớn nhất ở Việt Nam. Các loại Nui mà Công ty hiện đang sản xuất gồm:

- Nui SAFOCO: loại 200g, 300g, 400g, 500g và nui gạo 400g.
- Nui rau củ: loại 200g và 500g.
- Nui đậu xanh : loại 200g và 300g

Cơ cấu nguyên vật liệu:

STT	Nguyên vật liệu	Tỷ lệ (%)
1	Bột mì	9,55
2	Bột gạo ứt	60,99
3	Tinh bột khô	10,64
4	Tinh bột ứt	1,23
5	Trứng	1,99
6	Muối, dầu cải,...	0,80
7	Túi	9,77
8	Băng keo, thùng giấy	5,03
Tổng cộng		100,00

c. Bún

Bún của SAFOCO được làm từ bột gạo ướt và một số nguyên liệu khác như bột gạo khô, muối, phụ gia... Đây cũng là sản phẩm tiêu biểu của Công ty được đưa vào khai thác năm 2004. Sản phẩm bún tươi của Công ty có đặc tính có thể để lâu và chỉ cần trưng vào nước sôi là có thể sử dụng được như các loại bún tươi bán ở chợ. Công suất sản xuất sản phẩm bún của Công ty hiện nay vào khoảng 3 tấn/ngày. Một số mặt hàng bún hiện đang được SAFOCO sản xuất là:

- Bún xào: loại 300g và 500g.
- Bún tươi: loại 150g và 300g.
- Bún khô: loại 200g và 400g.

Cơ cấu nguyên vật liệu:

STT	Nguyên vật liệu	Tỷ lệ (%)
1	Bột gạo ướt	55,12
2	Bột gạo khô	24,36
3	Muối, phụ gia	0,96
4	Túi	12,46
5	Băng keo, thùng	7,10
Tổng cộng		100,00

d. Bánh tráng

Bánh tráng cũng là sản phẩm tiêu biểu của Công ty. Hiện tại công suất sản xuất bánh tráng của Công ty đạt 5 tấn/ngày. Đây là một trong những sản phẩm tiềm năng của Công ty với việc đầu tư dây chuyền sản xuất mới.

Cơ cấu nguyên vật liệu:

STT	Nguyên vật liệu	Tỷ lệ (%)
1	Gạo	43,83
2	Bột gạo	28,46
3	Tinh bột ướt, gia vị	2,33
4	Túi	11,99
5	Băng keo, thùng	13,39
Tổng cộng		100,00

CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU CỦA SAFOCO



MÌ TRỨNG VÀNG



MÌ TRỨNG ĐẶC BIỆT



MÌ CHAY



MÌ RAU CỬ



NUI ĐẶC BIỆT



NUI RAU CỬ



NUI TRỨNG



NUI ĂN LIỀN



BÚN KHÔ



BÚN TƯƠI



BÁNH TRÁNG 22cm



BÁNH TRÁNG 16cm



NUI ĐẬU XANH



NUI GẠO



NUI XOẮN

8.2. Doanh thu, lợi nhuận qua các năm

a. Doanh thu từng nhóm sản phẩm qua các năm

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Năm 2007		Năm 2008		So sánh 2008/2007	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Mì	56.125.334.981	44,36%	68.808.906.477	38,62%	12.683.571.496	22,60%
Nui	49.146.571.478	38,84%	72.963.917.210	40,95%	23.817.345.732	48,46%
Bánh tráng	16.804.295.182	13,28%	27.490.935.158	15,43%	10.686.639.976	63,59%
Bún khô, bún tươi	4.454.795.869	3,52%	8.921.741.491	5,01%	4.466.945.622	100,27%
Tổng doanh thu sản xuất	126.530.997.510	100,00%	178.185.500.336	100,00%	51.654.502.826	40,82%

Nguồn: SAFOCO

b. Lợi nhuận của từng nhóm sản phẩm qua các năm

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Năm 2007		Năm 2008		So sánh 2008/2007	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Nui	6.246.773.940	65,76%	7.054.406.192	59,84%	807.632.252	12,93%
Mì	1.469.750.693	15,47%	2.104.670.208	17,85%	634.919.515	43,20%
Bánh tráng	1.652.220.403	17,39%	2.153.582.285	18,27%	501.361.882	30,34%
Bún khô, bún tươi	131.168.144	1,38%	475.383.561	4,03%	344.215.417	262,42%
Lợi nhuận trước thuế hàng sản xuất	9.499.913.180	100,00%	11.788.042.246	100,00%	2.288.129.066	24,09%

Nguồn: SAFOCO

8.3. Nguyên vật liệu

Nguyên liệu chính được Công ty sử dụng trong sản xuất các loại sản phẩm của mình bao gồm bột gạo ướt, bột gạo khô, tinh bột khô, bột mì, trứng, hương liệu khác.

a. Nguồn nguyên vật liệu

- Các nguyên liệu cơ bản như gạo, bột gạo ướt, bột mì, tinh bột khô, trứng được thu mua từ các đại lý trong nước.

- Các phụ gia như trứng, muối, khoai, cải, cà rốt, củ dền, hương liệu hầu hết được mua từ các doanh nghiệp trong nước.
- Bao bì được cung cấp bởi các doanh nghiệp lớn và có uy tín.

DANH SÁCH MỘT SỐ NHÀ CUNG CẤP NGUYÊN VẬT LIỆU

STT	Nguyên liệu	Nhà cung cấp
1	Gạo	Cty TNHH Lương thực Thực phẩm Phương Nam, Cơ sở Gạo Tiến Đạt
2	Bột mì	Công Ty TNHH Inter Flour Việt Nam
3	Bột gạo	Cơ sở Huỳnh Thị Kim Phượng
4	Bột khoai mì ướt	Cơ sở Diệp Minh Nhứt
6	Thùng giấy carton	Công ty TNHH Tân Sài Gòn
7	Bao bì	Công ty TNHH Bao Bì Nhựa Tân Hiệp Lợi

b. Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty đều có cơ sở, nhà máy đóng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh miền Tây lân cận, vì vậy nguồn nguyên liệu luôn có sẵn, chi phí vận chuyển không đáng kể.

Những năm vừa qua, mặc dù nhu cầu tiêu dùng nông sản trong nước cũng như xuất khẩu tăng mạnh nhưng với nền kinh tế nông nghiệp phát triển của Việt Nam nên nguồn nguyên vật liệu chính mà chủ yếu là bột mì và bột gạo luôn đáp ứng đầy đủ nhu cầu sản xuất của Công ty.

Hiện nay, ở nước ta có rất nhiều cơ sở phân phối trứng và các loại gia vị (dầu ăn, muối, hương liệu, các loại rau củ,...), bên cạnh đó các sản phẩm ngoại cũng tràn ngập thị trường với mức giá cạnh tranh nên không có sự hạn chế về khối lượng đối với các loại nguyên liệu này. Riêng đối với nguyên liệu là trứng thì đã gặp phải một số khó khăn trong việc cung cấp do tình hình cúm gia cầm trong thời gian qua. Tuy nhiên, do tỷ trọng của trứng trong các sản phẩm của SAFOCO là không cao nên sự ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty cũng không đáng kể.

c. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 65% - 75% giá thành sản phẩm, chủ yếu là bột gạo, bột mì, do đó việc tăng hoặc giảm giá nguyên vật liệu sẽ có ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty. Do thị trường sản phẩm của Công ty có tính cạnh tranh cao, nên Công ty không thể điều chỉnh ngay giá bán ra sản phẩm khi giá nguyên vật liệu tăng, dẫn đến lợi nhuận gộp có thể giảm trong ngắn hạn. Trong dài hạn, nếu thị trường đồng loạt điều chỉnh giá bán ra sản phẩm do ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu, thì việc tăng giá bán ra của Công ty có thể thực

hiện được, làm tăng doanh thu và triệt tiêu được ảnh hưởng của việc thay đổi giá nguyên vật liệu đến lợi nhuận của Công ty.

8.4. Chi phí

Công ty thực hiện kiểm soát các chi phí bằng việc kiểm soát quá trình sản xuất. Quy trình sản xuất của từng nhóm sản phẩm của SAFOCO được thiết lập cụ thể, chặt chẽ và đồng bộ, bảo đảm thực hiện công việc đúng ở mọi khâu ngay từ ban đầu để ngăn ngừa phát sinh các sai sót, hư hỏng. Hàng tháng bộ phận Kế toán quản trị và giá thành lập báo cáo kiểm soát chi phí sản xuất, báo cáo này được luân chuyển qua nhiều cấp khác nhau, từ phân xưởng thông qua Kế toán trưởng đến Tổng Giám đốc.

Hơn nữa, do dây chuyền sản xuất của Công ty hầu hết đều còn mới và hiện đại nên mức tiêu hao nguyên vật liệu cho một đơn vị sản phẩm ở mức thấp.

Quản lý chi phí tốt, mức tiêu hao nguyên vật liệu thấp, vì vậy chi phí sản xuất của Công ty có tính cạnh tranh cao so với các doanh nghiệp cùng ngành.

✚ Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần cung cấp hàng hóa và dịch vụ:

Khoản mục	Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008	
	Giá trị (triệu đồng)	% DT	Giá trị (triệu đồng)	% DT	Giá trị (triệu đồng)	% DT
Giá vốn hàng bán	255.179	93,76	313.289	94,00	382.674	93,06
Chi phí bán hàng	5.248	1,93	5.807	1,74	10.599	2,58
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.226	1,19	3.680	1,10	4.581	1,11
Chi phí hoạt động tài chính	740	0,27	598	0,18	1.137	0,28
Tổng cộng	264.394	97,14	323.374	97,03	398.992	97,03

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2006, 2007 và 2008

✚ Sự biến động các khoản mục chi phí trong 2 năm gần nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2007	Năm 2008	% tăng giảm so với năm 2007
Giá vốn hàng bán	313.289	382.674	22,15%
Chi phí bán hàng	5.807	10.599	82,51%
Chi phí quản lý DN	3.680	4.581	24,49%
Chi phí hoạt động tài chính	598	1.137	90,34%
Tổng cộng	323.374	398.992	23,38%

✚ Phân tích biến động chi phí sản xuất của Công ty:

- **Giá vốn hàng bán:**

So với năm 2007, tỷ trọng giá vốn hàng bán/doanh thu năm 2008 đã giảm từ 94,00% xuống còn 93,06% khẳng định sự thành công của tập thể Công ty trong việc kiểm soát tốt chi phí sản xuất.

- **Chi phí bán hàng:**

Chi phí bán hàng trong năm 2008 đã tăng 82,5% so với năm 2007, trong khi doanh thu 2008 chỉ tăng 40,8%, chứng tỏ trong năm 2008 Công ty đã chi rất nhiều cho việc quảng cáo sản phẩm cũng như chi phí hoa hồng cho các nhà phân phối, siêu thị để giữ vững thị phần trong tình hình thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

Khả năng kiểm soát chi phí quản lý của Công ty khá tốt trong 3 năm qua, 2006 - 2008. Chi phí quản lý biến động không nhiều. Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp/doanh thu thuần năm 2008 tăng nhẹ so với mức ở năm 2007 từ mức 1,10% lên 1,11%. Trong điều kiện tình hình lạm phát tăng cao trong năm 2008 thì đây kết quả của những nỗ lực của SAFOCO trong việc thực hiện tốt các biện pháp tiết kiệm, giảm thiểu chi phí.

8.5. **T**ình độ công nghệ

a. **M**áy móc thiết bị

Hiện nay Công ty đang sở hữu những dây chuyền sản xuất mì nui hiện đại nhất tại Việt Nam với công suất lớn. Phần lớn máy móc thiết bị của Công ty được nhập khẩu từ các nước Nhật Bản, Nga,... Hiện nay công suất trung bình của máy móc thiết bị của Công ty đạt 80%, còn lại là công suất dự phòng. Tại thời điểm 31/12/2008, tỷ lệ còn lại của máy móc thiết bị SAFOCO đạt 32,4%.



MÁY ĐÓNG GÓI MÌ



MÁY CHỌN BÁNH TRẮNG

✚ Một số máy móc thiết bị chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2008:

Đơn vị tính: đồng

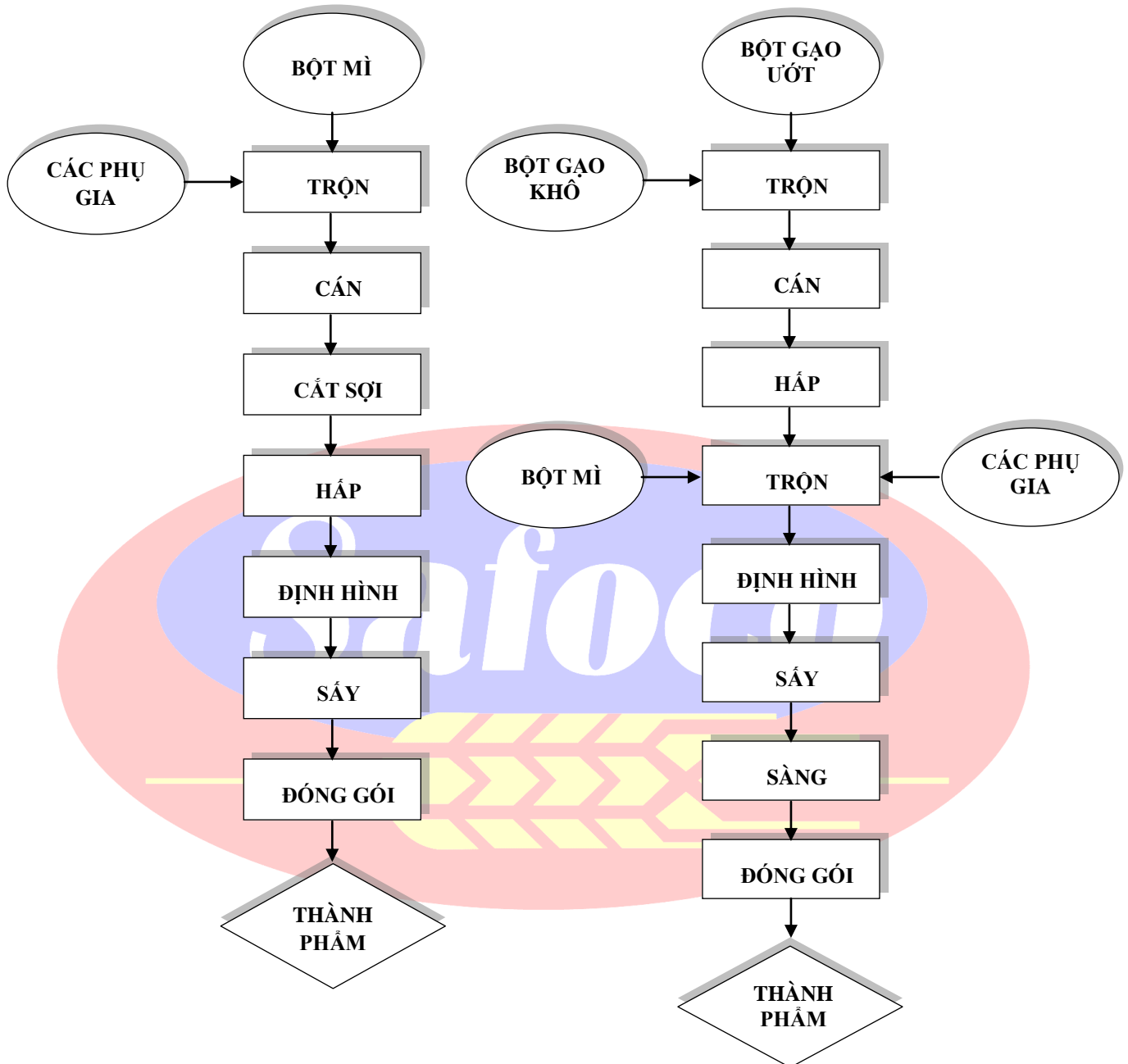
STT	Tên tài sản	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại
01	Dàn mì 4 vắt	2008	2.140.000.000	1.846.174.606
02	Đầu máy đùn nui Ý	2002	1.851.618.096	611.033.971
03	Lò hơi đốt than tấn/giờ (số 3)	2008	840.000.000	772.800.000
04	Lò hơi đốt than tấn/giờ (số 1)	2006	823.809.523	357.755.483
05	Lò sấy Nga	2004	820.011.000	446.165.147
06	Lò hơi đốt than tấn/giờ (số 2)	2006	809.523.810	396.777.560
07	Dàn mì 4 vắt (2 tấn/ca)	2002	378.528.003	94.632.004
08	Máy nui đứng	2004	376.000.000	147.714.282
09	Máy ép đùn nui (LH)	2002	89.857.140	13.606.918
10	Máy hấp và tráng bánh trắng (số 1)	2006	60.000.000	28.276.712

Nguồn: SAFOCO

Quy trình sản xuất:

QUY TRÌNH SẢN XUẤT MÌ

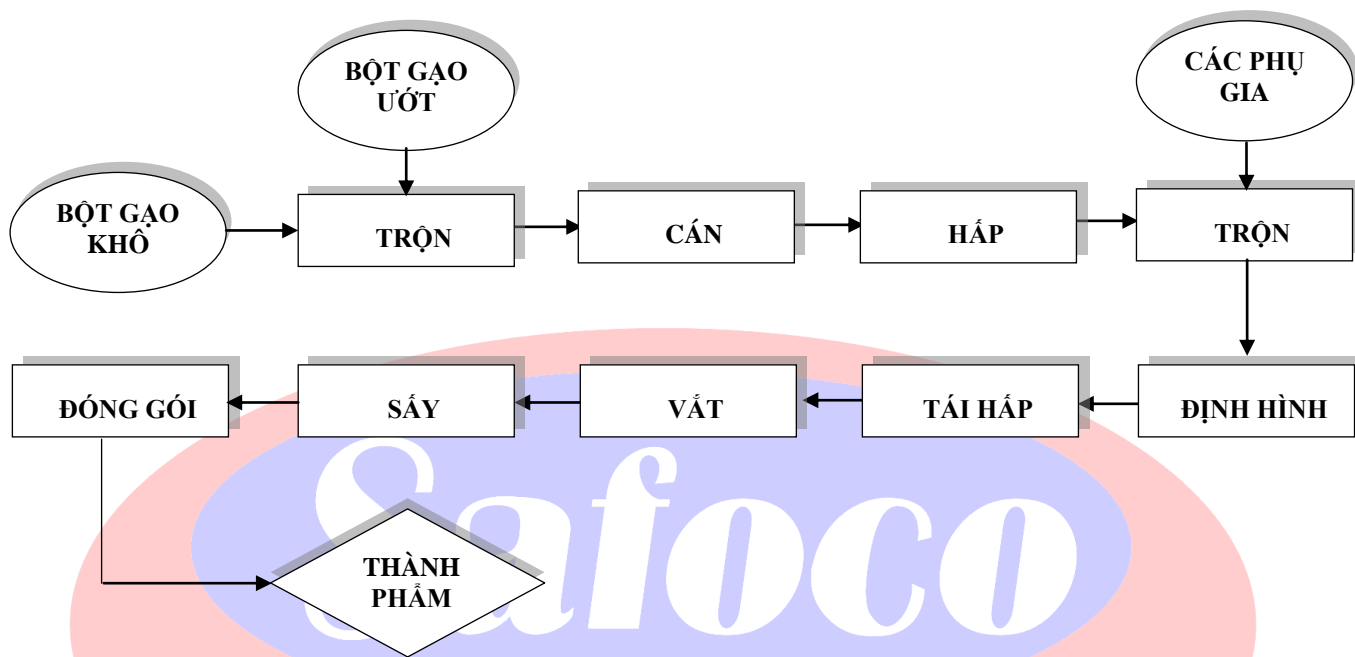
QUY TRÌNH SẢN XUẤT NUI



- Đối với quy trình sản xuất mì, hệ thống máy sẽ trộn bột mì lẫn các chất phụ gia (như trứng, muối, nước...) với nhau, sau đó sẽ cán mỏng và cắt sợi với kích cỡ tùy chủng loại và đưa vào hấp. Sau khi hấp sợi mì sẽ được định hình mất khoảng 2-3 giờ. Đối với khâu này tùy theo hình thù của sản phẩm mà mì được định hình thủ công (công nhân sẽ phải vắt mì thành vắt tròn) hoặc bằng máy (vắt mì vuông). Sau khi định hình xong sản phẩm sẽ được sấy khô và đưa sang đóng gói thành phẩm.
- Đối với sản phẩm nui thì sử dụng 2 loại bột là bột gạo khô và bột gạo ứớt (với tỷ lệ bột gạo ứớt chiếm khoảng 20% - 40%) được trộn đều và đem đi hấp sơ bằng hơi nước sau khi đã cán mỏng. Sau đó hỗn hợp bột này sẽ được trộn thêm bột mì và các chất phụ gia khác (các

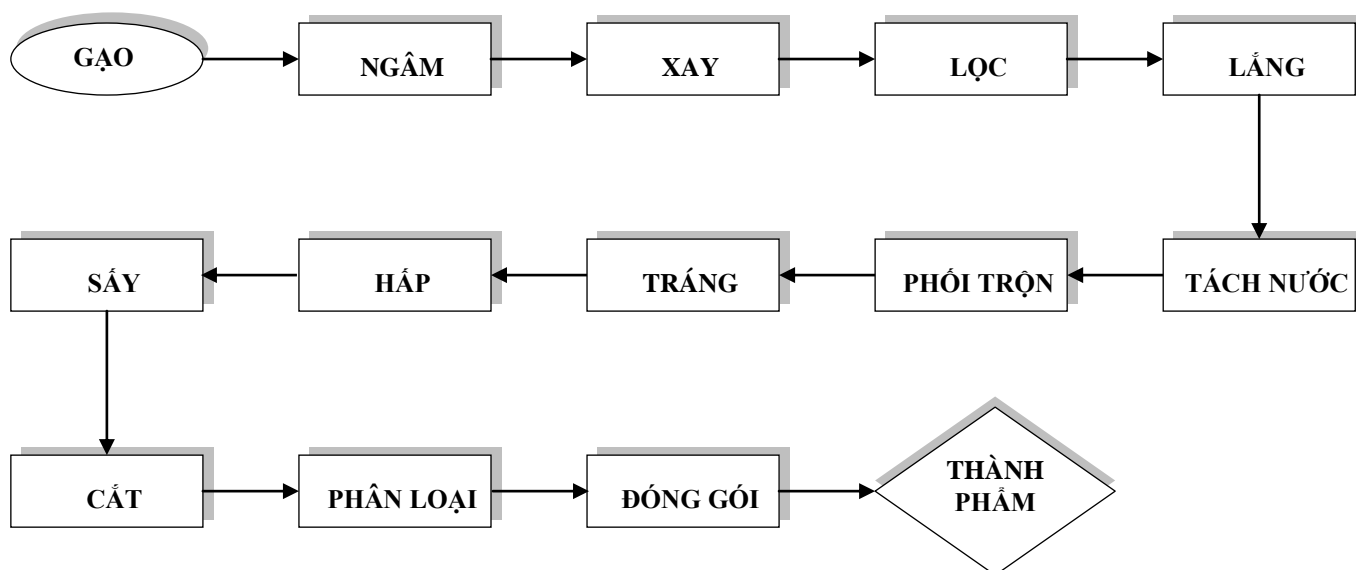
loại rau củ được xay ra rồi đem trộn) và được định hình theo khuôn (sản phẩm nui có nhiều hình dạng ống tròn, ống dẹt, hình xoắn, hình chữ,... với nhiều màu sắc). Đây là sản phẩm có nhiều chủng loại nhất và cũng là sản phẩm chủ lực của Công ty. Sau khi định hình xong sản phẩm sẽ được đem đi sấy khô và sàng lọc các tạp chất, bụi bột rồi mới đóng gói thành thành phẩm.

🌈 Quy trình sản xuất bún khô:



Bún khô được sản xuất từ bột gạo khô và bột gạo ướt với tỷ lệ là 50% - 50% được trộn đều, sau đó cán mỏng và đem đi hấp. Tùy theo yêu cầu của đơn đặt hàng sẽ cho thêm các chất phụ gia trộn vào và định hình sản phẩm và tái hấp thêm lần nữa rồi mới đem vắt thành bánh. Sau khi vắt sản phẩm sẽ được sấy khô và đem đóng gói thành thành phẩm.

🌈 Quy trình sản xuất bánh tráng:



Bánh tráng được sản xuất từ hạt gạo đem đi xay thành bột sau khi được ngâm nước khoảng 10 - 12 giờ, sau đó được lọc bỏ các tạp chất (như vỏ trấu) và để lắng xuống mới đem đi tách nước ra rồi lấy phần bột lắng xuống phối trộn với các chất phụ gia. Sau đó bột sẽ được đưa qua máy tráng, hấp và sấy khô. Sau khi cắt thành hình, các phần bỏ ra có thể được dùng để tái chế hoặc bán để làm thức ăn cho gia súc. Cuối cùng máy sẽ phân loại bánh tráng theo định hình để đem đóng gói thành thành phẩm. Hiện nay dây chuyền sản xuất bánh tráng của Công ty được xem là hiện đại và mới nhất ở nước ta (đầu tư mới trong năm 2006) nên sản phẩm bánh tráng hứa hẹn là sản phẩm tiềm năng có thể mở rộng được thị trường, tăng năng suất tiêu thụ cho Công ty.

Trong mỗi công đoạn của quy trình sản xuất đều được nhân viên kiểm tra chất lượng tiến hành kiểm tra một cách thật cẩn trọng, từ khâu kiểm tra nguyên vật liệu, trong quá trình sản xuất đến kiểm tra thành phẩm. Máy móc thiết bị cũng được kiểm tra thường xuyên trong suốt quá trình sản xuất, đảm bảo mọi sai sót trong quá trình sản xuất đều được xử lý kịp thời, hạn chế tối đa những hư hỏng có thể xảy ra.

8.6. **Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Hoạt động nghiên cứu phát triển của Công ty được tiến hành khá đa dạng, bao gồm:

- Nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới, từ khâu sơ chế nguyên vật liệu, chế biến, định hình đến khâu đóng gói, bảo quản sản phẩm.
- Nghiên cứu biện pháp cải tiến các sản phẩm hiện có về chất lượng, kiểu dáng, bao bì, trọng lượng để tạo ra nhiều sự lựa chọn hơn cho khách hàng.
- Nghiên cứu việc sản xuất sản phẩm trên các dây chuyền Công ty mới đầu tư hoặc dự kiến đầu tư.
- Nghiên cứu việc sử dụng các nguyên vật liệu mới vào quá trình sản xuất sản phẩm.
- Nghiên cứu việc sản xuất các sản phẩm xuất khẩu nhằm đảm bảo yêu cầu của khách hàng nước ngoài đối với các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm theo từng quốc gia.

Trong năm 2008, công ty đã tung ra thị trường sản phẩm nui đậu xanh. Sản phẩm này có chất lượng, giá trị dinh dưỡng cao, bao bì đẹp và hiện được khách hàng rất tin dùng.

8.7. **Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ**

a. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, do tổ chức QMS của Úc và New Zealand chứng nhận từ 24/02/2003, cấp lại lần 2 ngày 29/04/2006 và có giá trị đến 05/06/2009.



Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt. Từ năm 2003 đến nay, Công ty đã được tổ chức QMS tiến hành tái đánh giá hệ thống quản lý chất lượng của Công ty 4 lần (theo chu kỳ cứ 9 tháng tái đánh giá một lần) với kết quả tốt.

Ngoài ra, Công ty còn nhận được các huy chương, cúp về chất lượng sản phẩm tại các kỳ hội chợ trong và ngoài nước như: Huy chương vàng Hội chợ Triển lãm Tuần lễ Xanh Quốc tế Việt Nam 2001 cho sản phẩm Mì sợi chay, Nui, Mì sợi trứng; Cúp Vàng Hội chợ Hàng chất lượng cao 2003; Huy chương vàng Hội chợ Triển lãm Nông nghiệp Quốc tế Việt Nam 2004; Đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao liên tục từ 2000 – 2008, Danh hiệu “Top 100 Thương hiệu hàng đầu Việt Nam” do Liên hiệp các Hội Khoa học & Kỹ thuật Việt Nam bình chọn, Cúp vàng Thương hiệu, Nhãn hiệu lần 2 năm 2008 do Tạp chí Văn hiến Việt Nam bình chọn, “Top 20 Giải vàng Thương hiệu An toàn vệ sinh thực phẩm” lần I năm 2009 do Cục ATVSTP - Bộ Y tế

b. Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm

Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm từ khâu nhập nguyên liệu cho đến thành phẩm đóng gói đều được thực hiện bởi Ban Đảm bảo chất lượng và Phòng Kỹ thuật Quản lý Sản xuất.

c. Vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm

An toàn vệ sinh thực phẩm được Công ty đặc biệt chú trọng và xem đây là một trong những tiêu chí tạo nên sức cạnh tranh của sản phẩm SAFOCO. Việc đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm được thực hiện liên tục từ khâu nguyên liệu đến khâu bán hàng rất chặt chẽ như sau:

✚ Đối với nguyên liệu:

- Công ty luôn cập nhật các quy định của Bộ Y tế Việt Nam và của các nước thuộc thị trường xuất khẩu của Công ty để khống chế lượng phụ gia sử dụng trong sản phẩm nhằm không gây bất kỳ ảnh hưởng nào đến sức khỏe của người tiêu dùng.
- Sử dụng nguồn nguyên liệu nhập từ những nhà cung cấp có tên tuổi, uy tín nhằm đảm bảo nguồn gốc và chất lượng của những loại nguyên liệu sử dụng.
- Kiểm tra chặt chẽ nguyên liệu đầu vào về chất lượng vệ sinh, tình trạng bao bì đóng gói, giấy tờ chứng nhận chất lượng từ nhà cung cấp.
- Công ty luôn thực hiện thường xuyên việc kiểm tra, đánh giá định kỳ các nhà cung cấp nguyên vật liệu theo đúng tiêu chuẩn của Sổ tay chất lượng (được đánh giá theo thang điểm tối đa là 100 và thường xuyên đánh giá theo chu kỳ).

✚ Trong quá trình sản xuất:

- Đặt ra các quy định chặt chẽ về vệ sinh trong quá trình sản xuất. Các công nhân tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm đều được trang bị những kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm, tất cả đều phải mang găng tay, khẩu trang, đội mũ trùm đầu. Các dụng cụ sản xuất và

chứa nguyên liệu được vệ sinh thường xuyên và định kỳ theo chế độ riêng cho từng bộ phận trên dây chuyền sản xuất.

- Luôn có một đội ngũ nhân viên kiểm soát chất lượng (nhân viên QC) đảm nhận việc theo dõi, giám sát việc chấp hành các quy định về vệ sinh trong sản xuất.
- Thực hiện việc lấy mẫu sản phẩm để kiểm tra vi sinh tại phòng Thí nghiệm của Công ty. Trong trường hợp cần kiểm tra các chỉ tiêu phức tạp, mẫu sản phẩm sẽ được gửi tới Trung tâm Dịch vụ Phân tích Thí nghiệm Sở Khoa học và Công nghệ Tp. Hồ Chí Minh để tiến hành phân tích.

✚ Đối với thành phẩm:

- Thành phẩm được đóng gói trong bao bì kín, đảm bảo vệ sinh.
- Công ty tổ chức hướng dẫn nhân viên bán hàng và nhà phân phối cách bảo quản, trưng bày sản phẩm theo đúng yêu cầu của từng loại sản phẩm tránh tình trạng sản phẩm bị hư hỏng trước hạn sử dụng.
- Công ty khuyến khích người tiêu dùng đổi, trả sản phẩm nếu sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.

8.8. Hoạt động Marketing

a. Hoạt động nghiên cứu thị trường

Công ty triển khai hoạt động nghiên cứu thị trường dưới nhiều hình thức khác nhau, cụ thể là:

- ✚ Tiến hành thu thập ý kiến người tiêu dùng trong quá trình bán hàng thông qua đội ngũ nhân viên tiếp thị của Công ty và nhà phân phối, từ đó Công ty luôn nhận được những thông tin phản hồi để cải tiến sản phẩm và sản xuất những sản phẩm mới.
- ✚ Thông qua các Công ty tư vấn chuyên nghiệp, Công ty tổ chức khảo sát nhu cầu thị trường, khảo sát thăm dò hiệu quả các chiến dịch quảng cáo của Công ty đối với người tiêu dùng, khảo sát cho mục đích xây dựng thương hiệu Công ty,...
- ✚ Các nhân viên thị trường của Công ty luôn cập nhật, nắm rõ tình hình tiêu thụ, thị trường tiềm năng của SAFOCO cũng như dự báo một số thông tin liên quan đến các đối thủ (sản lượng tiêu thụ, thị trường sắp khai thác...) để từ đó có thể đưa ra các chính sách, chương trình phù hợp, có thể cạnh tranh được.

Các hoạt động nghiên cứu thị trường đã có những tác động rất tích cực đến chiến lược sản phẩm và chiến lược kinh doanh nói chung của Công ty, góp phần không nhỏ đến sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

b. Hoạt động quảng cáo, tiếp thị và quan hệ đối ngoại (PR)

- ✚ Hàng năm Công ty thường tổ chức Đại hội khách hàng cho hơn 200 đại lý trên cả nước tại

Vững Tầu với chi phí 100% do Công ty tài trợ như là một cách ghi nhận và đánh giá cao những đóng góp của khách hàng đối với sự phát triển chung của Công ty.

- ✦ Công ty áp dụng nhiều chương trình khuyến mãi, các chương trình khuyến mãi thường gắn liền với các dịp lễ, Tết như Trung thu, Quốc tế Thiếu nhi, Quốc tế Phụ nữ,... Các chương trình khuyến mãi của Công ty thường thu được hiệu quả nhanh chóng do có tác động đến người tiêu dùng cuối cùng sản phẩm của Công ty.
- ✦ Công ty tham gia nhiều hội chợ thương mại trong nước và quốc tế, hội chợ Hàng Việt Nam chất lượng cao hàng năm với mục tiêu quảng bá thương hiệu, đưa sản phẩm của mình đến tay người tiêu dùng một cách nhanh chóng và có hiệu quả nhất.

c. Hệ thống phân phối

Công ty đã xác định giữ vững thị trường là vấn đề quan tâm hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh doanh, trong đó ưu tiên phát triển thị trường nội địa, từ đó làm cơ sở để khuếch trương thương hiệu, mở rộng thị trường xuất khẩu, do đó Công ty đặc biệt quan tâm đến việc phát triển mạng lưới bán hàng. Mạng lưới phân phối của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO chủ yếu thông qua 3 kênh chính: hệ thống đại lý, hệ thống các siêu thị và thị trường tự do.

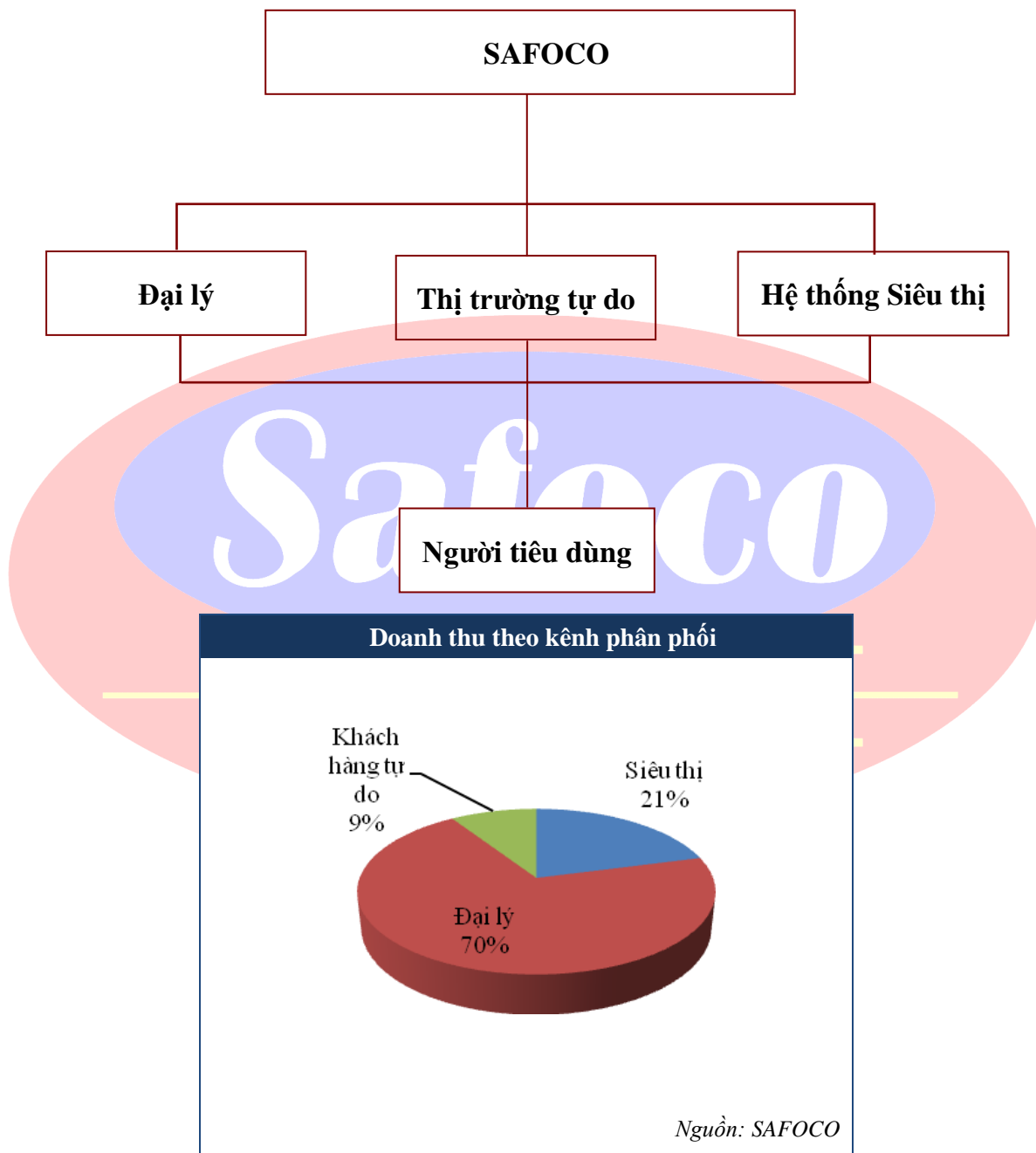
- ✦ **Hệ thống đại lý, nhà phân phối:** là kênh phân phối chính, chiếm hơn 70% doanh số, Đại lý của Công ty được phân thành 2 cấp: Đại lý cấp 1 (có sản lượng tiêu thụ bình quân 30 - 90 tấn/tháng với 4 tổng đại lý là Chợ Bình Tây, Chợ Bà Chiểu, Chợ Xóm Chiếu và Khu vực Quận 5) và Đại lý cấp 2 (sản lượng tiêu thụ dưới 30 tấn/tháng). Khi ký Hợp đồng đại lý Công ty luôn chú trọng về việc phân vùng để hạn chế sự xâm phạm khu vực của các đại lý với nhau, tạo nên sự cạnh tranh công bằng cho các đại lý. Đối với hệ thống đại lý các tỉnh, ngoài việc chiết khấu thêm để khen thưởng, Công ty còn hỗ trợ chi phí vận chuyển và tăng cường nhân viên tiếp thị hỗ trợ đại lý mở rộng mạng lưới bán hàng và phủ kín các khu vực còn bỏ ngõ. Riêng hệ thống đại lý tại Tp.HCM đều có nhân viên thị trường thường xuyên hỗ trợ một cách tích cực.

Ngoài ra, với việc đặt Chi nhánh tại Hà Nội, Công ty đã phát triển dần mạng lưới tiêu thụ sản phẩm phía Bắc thông qua kênh phân phối đại lý và siêu thị nên sản phẩm SAFOCO cũng ngày càng được tín nhiệm và được đánh giá cao về mặt chất lượng, chủng loại.

- ✦ **Hệ thống siêu thị:** Chủ yếu tập trung ở Tp.HCM, là thị trường chính của SAFOCO, hệ thống siêu thị chiếm khoảng 21% doanh số của Công ty. Với uy tín thương hiệu của mình, sản phẩm của Công ty có mặt ở hầu hết tất cả các hệ thống siêu thị lớn như Big C, Metro, Co.opMart, CitiMart, Maximart... Công ty thường áp dụng chính sách hoa hồng thích hợp kèm theo điều kiện là tất cả các sản phẩm của SAFOCO đều phải được trưng bày rộng rãi trên quầy, kệ để người tiêu dùng dễ nhìn thấy, do đó sản phẩm của SAFOCO đã chiếm lĩnh hầu hết thị phần mạng lưới siêu thị so với các đối thủ trong ngành.

- ✦ **Thị trường tự do:** Ngoài hệ thống đại lý và siêu thị, khoảng 9% doanh số của Công ty được đưa về từ thị trường tự do, thị trường bán lẻ và đây cũng là một trong các kênh phân phối đến với người tiêu dùng nhanh chóng và thuận tiện thông qua các cửa hàng bán lẻ, các nhà hàng, nhà trẻ, cửa hàng ăn uống...

MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI CỦA SAFOCO



Ngoài việc tiêu thụ sản phẩm trong nước, Công ty đang tiếp cận với các thị trường thế giới để hình thành hệ thống đại lý nước ngoài từ những khách hàng truyền thống như: Nga, Đức, Cộng hòa Séc, Ý, Đài Loan, Singapore... cũng như một số thị trường mới như: Israel, Pháp, Mỹ, Nhật, ...

d. Chính sách giá

Công ty luôn thực hiện chính sách giá phù hợp cho từng phân khúc thị trường. Giá cung cấp cho các nhà phân phối là giá bán sỉ trừ đi chiết khấu cho từng loại sản phẩm. Tỷ lệ chiết khấu dành cho nhà phân phối của SAFOCO khá cao so với các đối thủ cạnh tranh, vì vậy việc mở rộng mạng lưới phân phối của SAFOCO tương đối dễ dàng. Ngoài ra, vào thời điểm cuối năm, SAFOCO còn áp dụng các chương trình chiết khấu, thưởng cho đại lý như: hoàn thành kế hoạch sản lượng phân phối, thưởng cho đại lý nộp tiền nhanh nhất, thưởng cho đại lý trưng bày hàng bắt mắt nhất...

8.9. **N**hãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ

Nhãn hiệu hàng hóa mà Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO đang sử dụng:



Nhãn hiệu hàng hóa mà Công ty đang sử dụng cho tất cả sản phẩm kinh doanh là nhãn hiệu "SAFOCO" của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO. Nhãn hiệu này đã được Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO đăng ký và bảo hộ tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Nhãn hiệu hàng hóa số 22471 của Cục Sở hữu Trí tuệ thuộc Bộ Khoa học - Công nghệ cấp lại ngày 30/05/2006 (cấp lại theo Quyết định số 2906/QĐ-NH ngày 30/09/1996 có hiệu lực trong vòng 10 năm. Nhãn hiệu này cũng đã được đăng ký bảo hộ tại các nước Lào và Campuchia.

Thương hiệu SAFOCO cũng đã được nhiều tổ chức trong nước đánh giá cao. Công ty đã đạt được Danh hiệu “Top 100 Thương hiệu hàng đầu Việt Nam” do Liên hiệp các Hội Khoa học & Kỹ thuật Việt Nam bình chọn, Cúp vàng Thương hiệu, Nhãn hiệu lần 2 năm 2008 do Tạp chí Văn hiến Việt Nam bình chọn, “Top 20 Giải vàng Thương hiệu An toàn vệ sinh thực phẩm” lần I năm 2009 do Bộ Y tế - Cục ATVSTP

8.10. **C**ác Hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết

STT	Số HĐ	Ngày ký HĐ	Tên đối tác	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng
1	04/MN-SAF/2007	02/01/2007	Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Đức Tường	Mì, nui, bún, bánh tráng	16.548.927.960 VND
2	04/MN-SAF/2007	02/01/2007	Dương Thị Bảo Châu	Mì, nui, bún, bánh tráng	5.141.649.914 VND
3	08/EXP/2007	29/01/2007	Regis Intermanagement Corp.	Mì sợi	864.859,68 USD

STT	Số HĐ	Ngày ký HĐ	Tên đối tác	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng
4	01/MN-SAF/2008	02/01/2008	Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Đức Tường	Mì, nui, bún, bánh tráng	26.703.730.679 VND
5	02/MN-SAF/2008	02/01/2008	Cơ sở Lâm Hiền Tỷ	Mì, nui, bún, bánh tráng	5.078.574.431 VND
6	03/MN-SAF/2008	02/01/2008	Cơ sở Mỹ Lệ	Mì, nui, bún, bánh tráng	9.240.749.459 VND
7	04/MN-SAF/2008	02/01/2008	Công ty TNHH Dương Gia Phát	Mì, nui, bún, bánh tráng	5.582.018.391 VND
8	01/MN-SAF/2008	02/01/2008	Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Đức Tường	Mì, nui, bún, bánh tráng	26.703.730.679 VND
9	01/EXP/2009	02/01/2009	Regis Intermanagement Corp.	Mì sợi	1.120.932 USD
10	Hợp đồng từng đợt	02/01/2009	Thusfood S.R.O	Mì sợi, nui, bún, bánh tráng	149.084,8 USD
11	“	“	Inter Fresh Co., Ltd. (Nhật Bản)	Bánh tráng	274.833,8 USD
12	“	“	Youki Trading Co., Ltd	Bánh tráng	133.020 USD
13	“	“	Tonkin Tranding	Bánh tráng	31.168 USD
14	“	“	Hua San Wan Foodmart, Inc. (Philippine)	Mì sợi, nui, bún, bánh tráng	251.427,5 USD
15	“	“	I & T Enterprise	Nui, bún, bánh tráng	114.749,6 USD

Nguồn: SAFOCO

9. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 02 NĂM GẦN NHẤT

9.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong hai năm 2007 và 2008

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	% tăng giảm so với 2007
1	Tổng giá trị tài sản	74.570	61.826	-17,1%
2	Doanh thu thuần	333.205	411.141	23,4%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.714	13.820	29,0%
4	Lợi nhuận khác	138	(798)	-676,4%
5	Lợi nhuận trước thuế	10.852	13.022	20,0%
6	Lợi nhuận sau thuế	10.852	11.182	3,0%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007 và 2008

Năm 2008 tổng tài sản Công ty đạt 61,8 tỷ, giảm hơn 12,7 tỷ đồng tương ứng giảm 17% so với năm 2007, chủ yếu do Công ty đã quản trị tốt vốn lưu động làm cho giá trị hàng tồn kho và khoản phải thu giảm, cụ thể như sau:

- Các khoản phải thu giảm hơn 1,1 tỷ đồng tương ứng giảm 4% (tương ứng với số ngày thu tiền bình quân đã giảm từ 28 ngày xuống còn 22 ngày trong năm 2008) chủ yếu do Công ty thực hiện tốt công tác thu hồi nợ.
- Hàng tồn kho đạt hơn 9 tỷ đồng, giảm 16,3 tỷ đồng tương ứng giảm 64% so với năm 2007 (tương ứng số ngày hàng tồn kho bình quân giảm từ 30 ngày xuống còn 9 ngày trong năm 2008) chủ yếu do Công ty theo đuổi chính sách hàng tồn kho tối ưu.

a. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Doanh thu năm 2008 đạt 411.193.548.750 đồng, tăng 77.918.804.683 đồng tương ứng tăng 23,4% so với năm 2007 chủ yếu nhờ Công ty tập trung phát triển thị trường nội địa thông qua việc đầu tư mở rộng kênh phân phối ở thị trường nội địa. Kênh phân phối của SAFOCO khá sâu rộng với hơn 220 nhà phân phối, đại lý, siêu thị, chi nhánh Hà Nội và các gian hàng tổng hợp và điều chỉnh giá bán phù hợp với tình hình thị trường.

Doanh thu xuất khẩu năm 2008 đạt 44.068.106.880 đồng (tương đương 2.593.920 USD), tăng 39,5% so với năm 2007. Mặc dù sản lượng xuất khẩu năm 2008 giảm 21,7% từ 2.617 tấn năm 2007 xuống 2049 tấn năm 2008 nhưng nhờ Công ty áp dụng chính sách giá phù hợp với tình hình thị trường và tỷ giá USD/VND tăng 5,4% (từ 16.114 lên 16.977).

b. Chi phí:

SAFOCO quản lý, kiểm soát chi phí hoạt động (giá vốn hàng bán + chi phí bán hàng + chi phí

quản lý doanh nghiệp) khá tốt. Tỷ lệ chi phí hoạt động/doanh thu trong 3 năm qua (2006 – 2008) khá ổn định bình quân đạt gần 97% mặc dù giá nguyên vật liệu đầu vào biến động mạnh trong năm 2008.

Khoản mục (đồng)	2006	2007	2008
Doanh thu thuần	272.064.634.625	333.204.669.364	411.140.686.609
Giá vốn hàng bán	255.179.372.832	313.288.825.812	382.674.280.475
Chi phí bán hàng	5.248.228.454	5.807.245.234	10.598.724.529
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.225.579.283	3.679.966.763	4.581.241.433
Tỉ lệ chi phí hoạt động/Doanh thu thuần	96,9%	96,9%	96,8%

c. Lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế năm 2008 đạt hơn 13 tỷ đồng, tăng 2,1 tỷ đồng tương ứng tăng 20% so với năm 2007. Lợi nhuận biên trước thuế của Công ty năm 2008 tăng nhẹ, từ 3,1% lên 3,2%. Hàng sản xuất của Công ty đóng góp hơn 88% lợi nhuận trước thuế năm 2008 với mức lợi nhuận biên trước thuế giảm từ mức 7,5% năm 2007 xuống còn 6,6% năm 2008, chủ yếu do biến động giá nguyên vật liệu đầu vào tăng mạnh vào giữa năm 2008 (nhất là bột gạo), trong khi giá bán không tăng kịp. Hàng thương mại Công ty chỉ chiếm 7.2% lợi nhuận trước thuế năm 2008 với mức lợi nhuận biên tăng nhẹ từ 0,3% lên 0,4%.

Năm 2008 là năm Công ty chỉ được miễn 50% thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp nên lợi nhuận sau thuế chỉ tăng 3% so với năm 2007, đạt 11,1 tỷ đồng.

Khoản mục	Năm 2007			Năm 2008		
	Doanh thu (đồng)	LN trước thuế-LNTT (đồng)	LN biên TT(%)	Doanh thu (đồng)	LNTT(đồng)	LN biên TT (%)
Hàng sản xuất	126.530.997.510	9.499.918.180	7,5%	178.185.500.336	11.788.042.246	6,6%
Thương mại	203.781.788.940	576.993.542	0,3%	228.748.933.448	963.101.462	0,4%
Khác (nhà hàng, uỷ thác xuất khẩu)	2.961.957.617	351.724.833	11,9%	4.259.114.966	535.296.464	12,6%
Tổng cộng	333.274.744.067	10.428.636.555	3,1%	411.193.548.750	13.286.440.172	3,2%

(Nguồn: SAFOCO)

9.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008

Thuận lợi:

- Sự hỗ trợ của Tổng công ty Lương thực Miền Nam đã giúp cho Công ty tháo gỡ được

khó khăn về mặt bằng sản xuất, hỗ trợ cho vay vốn kịp thời để mua nguyên nhiên, phụ liệu với giá rẻ dự trữ phục vụ sản xuất ổn định.

- Hội đồng quản trị xây dựng chiến lược đúng hướng, Ban lãnh đạo cùng với CB.CNV luôn đoàn kết, đồng lòng chung sức, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, tiết kiệm tối đa chi phí để hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- Đặc biệt Uy tín thương hiệu sản phẩm SAFOCO ngày càng khẳng định được vị trí trên thị trường trong nước và quốc tế qua nhiều năm liền.
- Các sản phẩm của SAFOCO đều được sản xuất trên dây chuyền hiện đại và khép kín. Quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 (cho các sản phẩm mì, nui, bún) và tiêu chuẩn HACCP (đối với sản phẩm bánh tráng). Chất lượng sản phẩm đều đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, giá cả hợp lý, mẫu mã bao bì đa dạng và đẹp.
- Công ty đã duy trì và phát huy ổn định được các kênh phân phối lớn : hệ thống Siêu thị, đại lý trên cả nước. Đồng thời giữ vững được các khách hàng truyền thống xuất khẩu (Nga, Séc, Nhật, Mỹ,...)

Khó khăn:

- Sáu tháng đầu năm 2008, phải chịu áp lực với giá nguyên nhiên phụ liệu liên tục tăng cao: như xăng dầu, bột mì, bột gạo và nhất là giá gạo tăng nhanh từ đầu tháng 5/2008; song giá bán sản phẩm của Công ty không thể tăng tương ứng vì phải đảm bảo sự ổn định thị trường.
- Vào quý III/2008, chịu tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, lạm phát tăng cao làm cho lãi suất ngân hàng liên tục thay đổi, có lúc phải chịu lãi vay 1,75%/tháng (tương ứng 21%/năm) nên ảnh hưởng rất lớn đến giá thành sản phẩm, hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm.
- Trong Quý IV/2008, tình hình khó khăn nhiều hơn so với 9 tháng đầu năm: hàng xuất khẩu bị đình đốn, thị trường tiêu thụ trong nước đã phải đối mặt với một số doanh nghiệp sản xuất chế biến cùng chủng loại hàng hóa mà các doanh nghiệp này đều dùng các hình thức khuyến mãi rất cao (từ 20 – 30%) và đã tạo ra một áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt với phương châm lấn chiếm thị phần.
- Tình hình mưa bão lũ lụt kéo dài nhiều hơn những năm trước, ngoài ra các dịch bệnh phát sinh đã ảnh hưởng lớn đến đời sống người dân những vùng này. Do đó, sản lượng tiêu thụ trên thị trường ở miền Bắc bị giảm 6% so với kế hoạch.
- Khó khăn toàn cầu từ việc lạm phát, giá lương thực tăng cao, khủng hoảng tài chính các doanh nghiệp sản xuất khựng lại, dẫn đến người lao động không có việc làm, đời sống khó khăn cho nên hầu như người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu mua sắm.

10. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH

10.1. Vị thế của Công ty trong ngành

✚ Những lợi thế cạnh tranh nổi bật của SAFOCO so với các doanh nghiệp khác trong ngành:

- Công nghệ sản xuất của SAFOCO vượt trội so với các doanh nghiệp cùng ngành.
- Sản phẩm của SAFOCO có sự đột phá về chất lượng, được cải tiến, thay đổi mẫu mã thường xuyên. Một điểm khác biệt của SAFOCO so với các doanh nghiệp khác là ngoài công nghệ hiện đại, Công ty rất chú trọng vào kỹ thuật chế biến sản phẩm, nhất là công thức pha chế phụ gia, nhờ đó mà các loại sản phẩm của Công ty có đa dạng mùi vị và riêng biệt. Đây chính là một lợi thế cạnh tranh lớn của SAFOCO, ngay cả với những đối thủ trong ngành sản xuất thực phẩm có máy móc hiện đại tương đương.
- Là doanh nghiệp lâu năm trong ngành, SAFOCO thông hiểu thị hiếu của người tiêu dùng Việt nam nên Công ty rất linh hoạt trong việc điều chỉnh hương vị để tạo sự khác biệt trong cạnh tranh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước, từ đó vươn lên vị trí đứng đầu trong phân khúc sản phẩm mà Công ty hướng đến.
- Có một đội ngũ nhân viên tiếp thị khắp cả nước phối hợp cùng đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ, giàu kinh nghiệm, năng động, phản ứng kịp thời với những thay đổi của thị trường.
- Đã được các hệ thống siêu thị lớn có nhiều chi nhánh trong cả nước như: CoopMart, Metro, CitiMart, MaxiMart,... đánh giá là một trong những sản phẩm chủ lực của siêu thị.
- Thương hiệu Công ty đã được xây dựng từ lâu và ngày càng được khách hàng biết đến như là một thương hiệu nổi tiếng.
- Đối với thị trường xuất khẩu, Công ty đã tạo sự khác biệt để tạo lợi thế cạnh tranh: các sản phẩm nui gạo của Công ty không có chất cholesterol gây béo cho người sử dụng được khách hàng Ý ưa chuộng; đối với thị trường EU, Cộng Hòa Séc thì tiêu thụ nhiều về các sản phẩm chế biến từ rau củ quả; hiện nay thị trường Nhật Bản đang là thị trường tiềm năng về tiêu thụ mặt hàng bánh tráng.
- Sản phẩm mì, nui: với công suất sản xuất lớn cũng như thị phần trong nước hầu như chiếm lĩnh, SAFOCO có nhiều khả năng duy trì được vị trí hàng đầu của mình, ngày càng gia tăng sản lượng tiêu thụ và mở rộng thị trường.
- Sản phẩm bánh tráng: Công ty đã nắm bắt được nhu cầu ngày càng cao của sản phẩm này cũng như ưu thế là một trong số rất ít các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm bánh tráng đóng gói nên đã vừa mới đầu tư dây chuyền sản xuất bánh tráng trong năm 2006. Đây

cũng là bước đi đúng đắn để khẳng định vị trí hàng đầu của Công ty trong việc cung cấp các sản phẩm thực phẩm đóng gói.

Vị thế SAFOCO trong ngành mì Việt Nam

Doanh thu toàn ngành mì Việt Nam năm 2008 ước đạt 5.482 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2007.

Hiện tại SAFOCO chỉ chiếm khoảng 1,3% thị phần ngành mì. Với quy mô nhỏ, SAFOCO đã chọn chiến lược kinh doanh vào các phân khúc thị trường nhỏ như: nui, bánh tráng, bún gạo,...nhằm tránh cạnh tranh trực tiếp với các công ty đứng đầu trong ngành mì Việt Nam hiện nay như: Công ty liên doanh Acecook Việt Nam (hiện chiếm hơn 51% thị phần), Công ty cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm Việt Nam (VIFON) chiếm gần 17% thị phần. Trong phân khúc mì ăn liền, SAFOCO đã tung ra sản phẩm mì chay, hướng tới khách hàng mục tiêu là những người ăn chay.

So sánh một số chỉ tiêu tài chính năm 2008 của SAFOCO với các công ty hoạt động trong ngành mì

Khoản mục	SAFOCO	VIFON	THIÊN HƯƠNG FOOD
Sản phẩm chính	Mì, nui, bánh tráng	Mì ăn liền	Mì ăn liền, nui
Thị phần	1,3% (*)	16,6%	3,8%
Doanh thu (tỷ đồng)	411,2	912,3	205,8
Tốc độ tăng trưởng	23%	39%	32%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	11,18	44,19	1,25
Tốc độ tăng trưởng	3%	1112%	-59%
Lợi nhuận biên sau thuế	2,7%	4,8%	0,6%
Tổng tài sản (tỷ đồng)	61,8	318,5	60,0
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	41,9	101,8	23,5
ROE	27,2%	43,6%	5,3%
ROA	18,1%	13,9%	2,1%
Nợ/Vốn	47,4%	212,7%	154,6%

(*) Phần doanh thu sản phẩm mì sợi, mì gói sản xuất của SAFOCO năm 2008 đạt 68,8 tỷ đồng.

10.2. Triển vọng phát triển của ngành

Triển vọng phát triển của ngành thực phẩm chế biến trên thế giới và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương:

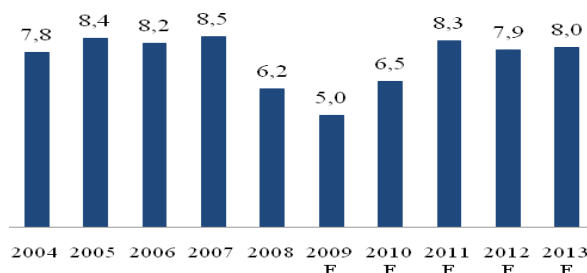
- ◆ Các nguồn thống kê độc lập ước tính rằng, thị trường cho ngành công nghiệp chế biến thực phẩm Châu Á sẽ tăng trưởng mạnh với tỷ lệ từ 12 - 15% mỗi năm trong 5 năm tới. Song hành cùng với tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa nhanh chóng trên toàn cầu, thói quen tiêu dùng của người Châu Á cũng thay đổi, đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng thực phẩm. Vì vậy, các nhà sản xuất và chế biến thực phẩm đang tập trung chế biến ra những loại sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu “tiện ích” của người tiêu dùng và như thế cũng đòi hỏi các hãng chế biến, đóng gói sản phẩm khắp khu vực ngày càng phải quan tâm nâng cao công nghệ chế biến hơn nữa.
- ◆ Theo tổ chức nghiên cứu thị trường Euromonitor, thị trường mì toàn cầu đạt mức tăng trưởng kép hàng năm (CARG) là 5% trong giai đoạn 2005 và 2010 – 33 tỉ đôla. Ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương sẽ có tốc độ tăng trưởng kép hàng năm đạt 4% chủ yếu nhờ sự đóng góp của các thị trường: Trung Quốc, Ấn Độ, Philippin, Indônêxia và Việt Nam. Các nhân tố chính thúc đẩy ngành tăng trưởng là tỷ lệ đô thị hoá tăng cao với nhiều hộ gia đình có tủ lạnh và lò vi sóng; lối sống công nghiệp hoá thịnh hành: các gia đình thành thị dành ít thời gian hơn trong việc chế biến thức ăn, ưu tiên sử dụng thức ăn nhanh, tiện lợi.

Triển vọng phát triển của ngành chế biến thực phẩm Việt Nam:

Ngành chế biến thực phẩm Việt Nam có nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai nhờ các yếu tố sau:

- ◆ Thị trường nội địa lớn với 86 triệu người (2008) và tốc độ tăng trưởng dân số khoảng 1,2%/năm trong 03 năm tới.
- ◆ Nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng ở mức cao và ổn định trong giai đoạn 2010 – 2013. Xét trung và dài hạn, các định chế tổ chức tài chính lớn đánh giá cao tiềm năng tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2004 – 2013 (%)



Nguồn: Số liệu năm 2004-2008: Tổng cục Thống kê, năm 2009 theo kế

- ✚ Quá trình đô thị hóa sẽ tiếp tục là nhân tố thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Tổ chức liên hiệp quốc dự báo dân số thành thị sẽ tăng từ 29% tổng dân số lên 50% vào đầu những năm 2040. Điều này sẽ hình thành xu hướng tiêu dùng hàng thực phẩm đóng gói với nhiều giá trị gia tăng và tiện nghi trong sử dụng.
- ✚ Mặc dù tình kinh doanh trên toàn cầu trong Quý I/2009 không khả quan do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế nhưng thị trường nội địa vẫn đạt được tốc độ tăng trưởng tốt. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của cả nước đã đạt 270.000 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 22% và cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng kinh tế chung (GDP Việt Nam quý I/2009 chỉ tăng 3% so với cùng kỳ năm ngoái).
- ✚ Trong lĩnh vực nông nghiệp, Chính phủ Việt Nam đang thực hiện chính sách kích cầu bằng cách hỗ trợ 100% lãi vay mua máy móc thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn. Đây là cơ hội tốt để các doanh nghiệp đổi mới máy móc, thiết bị sản xuất nhằm nâng cao năng suất sản xuất và khả năng cạnh tranh trong tương lai.

11. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

11.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2008 là 553 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

	TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN	SỐ NGƯỜI	TỶ LỆ
1	Đại học	36	6,51%
2	Cao đẳng và trung cấp	73	13,20%
3	Công nhân kỹ thuật	444	80,29%
	Tổng cộng	553	100%

(Nguồn: SAFOCO)

11.2. Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc

- ✚ Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h. Tuy nhiên, Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.
- ✚ Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết 8 ngày theo quy định của Bộ Luật Lao động. Nếu những ngày này trùng với những ngày nghỉ khác, thì nhân viên được nghỉ bù vào ngày tiếp theo. Những nhân viên làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được

nghỉ phép 12, 14 hoặc 16 ngày/ năm. Nếu chưa đủ 12 tháng thì số ngày nghỉ phép trong năm được tính tương ứng với số tháng làm việc trong năm. Ngoài ra, Công ty sẽ tăng số ngày nghỉ phép dựa trên thời gian làm việc của nhân viên, cứ mỗi 05 năm làm việc sẽ được nghỉ thêm 1 ngày .

- ✦ Nghỉ ốm, thai sản: Công ty thực hiện đúng theo chế độ hiện hành. Khi người lao động nghỉ ốm hoặc nghỉ thai sản thì được hưởng trợ cấp thay lương do BHXH chi trả. Ngoài ra, người lao động còn được Công đoàn Công ty trợ cấp một khoản tiền hỗ trợ tiền thuốc men bằng nguồn kinh phí công đoàn.
- ✦ Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- ✦ Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.
- ✦ Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các công tác đào tạo để nhân viên có đủ năng lực chuyên môn thực hiện tốt công việc được giao. Việc đào tạo huấn luyện các kỹ năng và chuyên môn được tiến hành thường xuyên tại Công ty. Hoặc Công ty cử cán bộ công nhân viên đi học tại các khóa học bên ngoài theo kế hoạch đào tạo của Công ty được lập từ đầu năm.
- ✦ Chính sách an toàn lao động: Là một chính sách hàng đầu của Công ty. Huấn luyện an toàn lao động cho công nhân trước khi vào làm việc, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân đầy đủ kịp thời theo tính chất công việc đòi hỏi.

Công ty ban hành nội quy về an toàn lao động, vệ sinh môi trường. Thường xuyên kiểm tra đánh giá công tác an toàn lao động tại các phân xưởng sản xuất. Công ty đã thành lập Hội đồng Bảo hộ lao động để tổ chức thực hiện hệ thống bảo hộ lao động tại Công ty.

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- ✦ Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành

ngành hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người nhằm làm đòn bẩy kích thích sự tích cực của cán bộ công nhân viên. Cán bộ công nhân viên trong Công ty được chi trả theo 02 hình thức:

- Đối với lao động quản lý, lao động phụ trợ: được hưởng lương theo thời gian làm việc.
- Đối với lao động trực tiếp sản xuất: được hưởng lương tính theo sản phẩm.

Trong năm 2008, SAFOCO đã áp dụng chế độ tiền lương mới theo Nghị định số 110/2008/NĐ-CP ngày 10/10/2008 của Chính phủ về việc điều chỉnh mức lương tối thiểu từ 620.000 đồng/tháng thành 800.000 đồng/tháng.

- ✦ Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.

Ngoài ra, Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để “chiêu hiền đãi sĩ”, thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

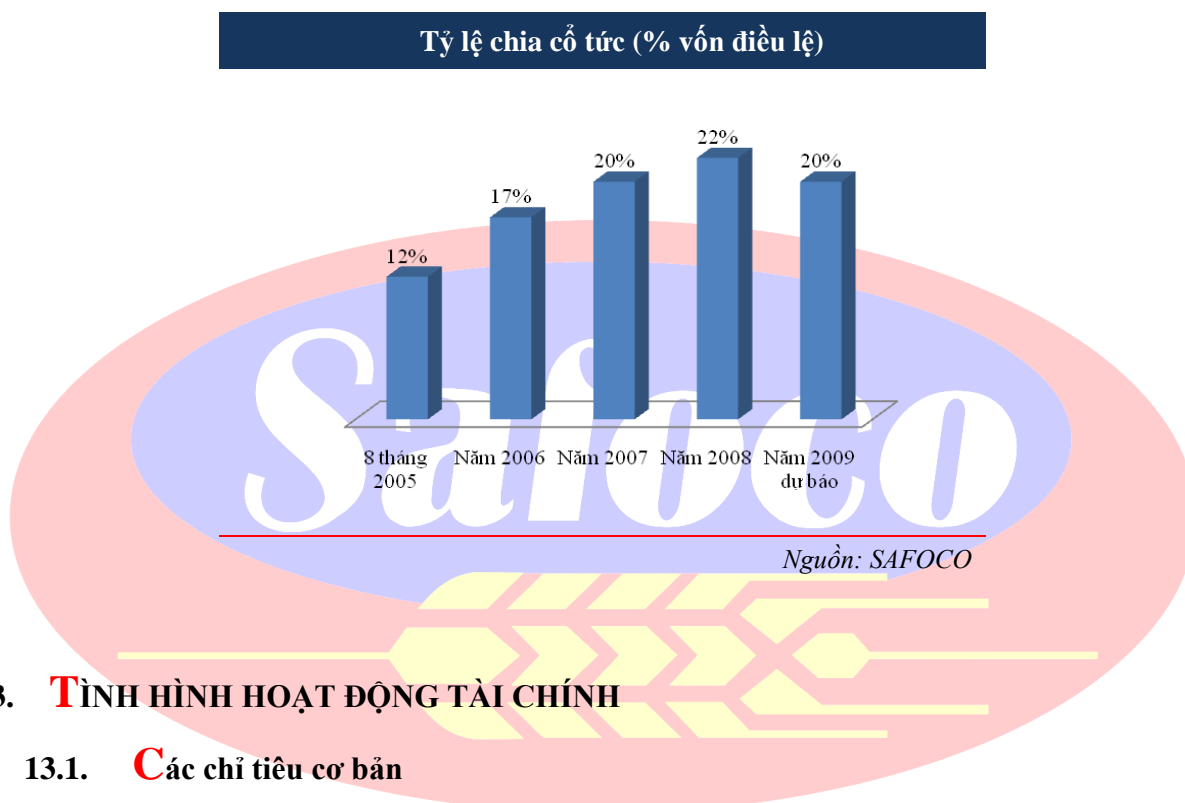
- ✦ Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật. Trong năm 2008, Công ty đã thực hiện tham gia Bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008. Ngoài ra hàng năm cán bộ công nhân viên Công ty còn được tổ chức đi nghỉ mát.
- ✦ Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên: Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động khá hiệu quả, các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ của công nhân viên diễn ra hàng năm rất sôi nổi, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khỏe.
- ✦ Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: Nhằm tạo sự gắn bó lâu dài của nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích cho cán bộ công nhân viên làm việc, Công ty đã thực hiện chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên với giá ưu đãi khi Công ty chuyển sang Công ty cổ phần.

12. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của những năm tiếp theo.

Với tình hình kinh doanh ổn định trong giai đoạn 2005 - 2008, Công ty đã giữ được mức cổ tức bằng tiền mặt khá cao và ổn định. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 tổ chức vào ngày 27/03/2009 đã quyết định tỉ lệ cổ tức bằng tiền mặt năm 2009 là 20% vốn điều lệ (2.000 đồng/cổ phần).



13. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

13.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a. Trích khấu hao tài sản cố định

✚ Kể từ năm 2004 đến nay, tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian sử dụng ước tính, phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

✚ Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị: 05 - 12 năm

- Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn: 05 - 08 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý: 03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác: 05 - 10 năm
- Phần mềm quản lý: 03 - 05 năm

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2008)

b. Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty ổn định và tăng dần qua các năm trong giai đoạn 2005 - 2008. Thu nhập của người lao động năm 2008 là 3.680.000 đồng/người/tháng, tăng 22,4% so với năm 2007 và ước năm 2009 là 3.700.000 đồng/người/tháng.



c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2007 - 2008, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước.

e. Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	2008
Quỹ dự phòng tài chính	369.000.520
Quỹ đầu tư phát triển	3.821.621.102
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	737.037.442
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	389.385.200
Tổng cộng	5.317.044.264

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2008)

f. Tổng dư nợ vay ngân hàng

Hiện tại tình hình Công ty của Công ty có thể đáp ứng được nhu cầu cho sản xuất mà không phải thực hiện vay Ngân hàng.

g. Tình hình công nợ hiện nay

✚ Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Phải thu khách hàng	21.870.431.806	-	24.333.980.594	-
Trả trước cho người bán	3.620.408.692	-	40.003.500	-
Các khoản phải thu khác	22.896.588	-	24.576.212	-
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	-
Tổng cộng	25.513.737.086		24.398.560.306	

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007 và 2008

✚ Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Nợ ngắn hạn	30.273.118.140	-	19.564.149.858	-
Vay và nợ ngắn hạn	3.000.000.000	-	-	-
Phải trả cho người bán	20.177.213.015	-	9.632.013.310	-

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Người mua trả tiền trước	703.147.637	-	412.944.401	-
Các khoản thuế phải nộp	560.855.522	-	1.757.698.439	-
Phải trả CB CNV	4.490.351.601	-	3.445.857.545	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Phải trả phải nộp khác	1.341.550.365	-	4.315.636.163	-
Nợ dài hạn	345.039.334	-	142.529.972	-
Phải trả dài hạn khác	243.892.000	-	179.559.259	-
Vay và nợ dài hạn	-	-	-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	101.147.334	-	142.529.972	-
Tổng cộng	30.618.157.474	-	19.886.239.089	-

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007 và 2008

13.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
-Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,97	2,27
-Hệ số thanh toán nhanh	1,13	1,80
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
-Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,41	0,32
-Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,70	0,48
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay tổng tài sản	4,47	6,65
- Vòng quay tài sản cố định	22,50	23,53
- Vòng quay vốn lưu động	5,58	9,27
- Vòng quay các khoản phải thu	13,05	16,58
- Vòng quay các khoản phải trả	10,88	20,67
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho	12,31	42,14
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,26	2,72
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	14,55	18,09
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	24,96	27,17

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	3,22	3,36
5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần (MG:10.000đ/CP)		
- Thu nhập trên mỗi cổ phần (đồng/cp)	4.010	4.132
- Giá trị sổ sách của cổ phần (đồng/cp)	16.065	15.210

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007 và 2008)

14. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

14.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

a. Chủ tịch HĐQT - Bà Phạm Thị Thu Hồng

- Họ và tên: Phạm Thị Thu Hồng
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 04/07/1957
- Nơi sinh: Hải Hưng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Long An
- Địa chỉ thường trú: 173 Nguyễn Kim, Phường 7, Quận 10, Tp.HCM
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84 - 08) 37245 272
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kinh tế Thương nghiệp, Cao cấp chính trị, Chứng chỉ Giám đốc Tài chính (Viện Nghiên cứu Kinh tế Phát triển), Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh Giám đốc (Trường Đào tạo Tại chức)
- Quá trình công tác:
 - 🚩 Từ 1973-1974 : Công tác tại Nhà máy Chế biến Mì sợi Hải Hưng.
 - 🚩 Từ 1975-1977 : Công tác tại Phòng Lương thực Quận 10.
 - 🚩 Từ 1977-1985 : Công tác tại Sở Lương thực Tp.HCM.
 - 🚩 Từ 1985-1998 : Trưởng phòng Kế hoạch Cửa hàng LTTP Số 4.
 - 🚩 Từ 1998-2003 : Phó Giám đốc Xí nghiệp LT - TP SAFOCO

- ✚ Từ 2003-2005 : Giám đốc Xí nghiệp LT - TP SAFOCO
- ✚ Từ 2005-nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO.
- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO
- Số cổ phần nắm giữ: 613.580 cổ phần
- Trong đó:
 - + Sở hữu: 72.380 cổ phần
 - + Đại diện phần Vốn Nhà nước: 541.200 cổ phần
- Số cổ phần những người có liên quan :
 - 1. Phạm Thị Thu Minh (Em ruột) : 16.940 cổ phần
 - 2. Lưu Quang Huy (Con) : 36.030 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- b. Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Tuấn Bao**
- Họ và tên: Nguyễn Tuấn Bao
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 19/06/1952
- Nơi sinh: Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Long An
- Địa chỉ thường trú: 172 Bà Hạt, Phường 9, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84 - 08) 37245 264
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Chứng chỉ Giám đốc Điều hành (Viện Nghiên cứu Kinh tế Phát triển)
- Quá trình công tác:
 - ✚ Từ 1969-1975 : Công tác tại Nhà máy in Trần Phú.
 - ✚ Từ 1976-1980 : Đi học tại Trường Bổ túc Công nông II Thủ Đức.

- ✚ Từ 1981-1982 : Công tác tại Sở Lương thực.
- ✚ Từ 1983-1998 : Phó phòng Kế hoạch Cửa hàng LT - TP Số 4.
- ✚ Từ 1999-2005 : Phó Giám đốc Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm.
- ✚ Từ 2005-nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO
- Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO
- Số cổ phần nắm giữ: 339.310 cổ phần
 - Trong đó: + Sở hữu: 68.710 cổ phần
 - + Đại diện phần Vốn Nhà nước: 270.600 cổ phần
- Số cổ phần những người có liên quan : không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- c. Thành viên HĐQT - Bà Nguyễn Thị Nga**
- Họ và tên: Nguyễn Thị Nga
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 21/04/1959
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Long
- Địa chỉ thường trú: 57/2 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Tp. HCM
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84 - 08) 37245 267
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kế toán Công nghiệp
- Quá trình công tác:
 - ✚ Từ 1981-1988 : Trưởng phòng Kế hoạch Xí nghiệp Vận tải.
 - ✚ Từ 1989-1996 : Kế toán Công ty TMDV Quảng cáo Mặt Trời Vàng

- ✚ Từ 1996-1998 : Kế toán Cửa hàng Dona
- ✚ Từ 1998-2000 : Kế toán Cửa hàng Lương thực Thực phẩm Số 4.
- ✚ Từ 2001-2005 : Kế toán trưởng XN Lương thực Thực phẩm SAFOCO.
- ✚ Từ 2005-nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO
- Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO
- Số cổ phần nắm giữ: 23.340 cổ phần
- Số cổ phần những người có liên quan : không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

d. Thành viên HĐQT - Ông Trần Đăng Minh

- Họ và tên: Trần Đăng Minh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/06/1951
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 220/25 Nguyễn Trọng Tuyển, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
- ĐT liên lạc : 0903 730672
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng, Chứng chỉ Quản lý Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - ✚ Từ 1981-1997 : Công tác tại Công ty Công nghệ Nông lương
 - ✚ Từ 1998-2000 : Giám đốc Công ty Bột mì Bình An.
 - ✚ Từ 2001-nay : Phó phòng Đầu tư Kỹ thuật Tổng Công ty Lương thực Miền Nam.

- Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT
- Số cổ phần nắm giữ: 305.530 cổ phần
 - Trong đó:
 - + Sở hữu: 0 cổ phần
 - + Đại diện phần Vốn Nhà nước: 305.530 cổ phần
- Số cổ phần những người có liên quan : không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

e. Thành viên HĐQT - Ông Huỳnh Anh Minh

- Họ và tên: Huỳnh Anh Minh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/07/1961
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Long An
- Địa chỉ thường trú: 35 Nhiêu Tâm, Phường 5, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84 - 08) 37245 275
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Ngoại thương
- Quá trình công tác:
 - ✚ Từ 1989-2002 : Trưởng phòng Kế hoạch Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm SAFOCO.
 - ✚ Từ 2002-2003 : Trưởng phòng Tiêu thụ Công ty Bột mì Bình Đông.
 - ✚ Từ 2003-2005 : Trưởng phòng Kế hoạch Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm SAFOCO.
 - ✚ Từ 2005- 2006 : Trưởng phòng Kinh doanh XNK Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO.
 - ✚ Từ 2007 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco.

- Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO.
- Số cổ phần nắm giữ: 55.000 cổ phần
- Số cổ phần những người có liên quan : không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

14.2. **D**anh sách thành viên Ban Kiểm soát

a. Trưởng Ban Kiểm soát - Ông Võ Trường Hùng

- Họ và tên: Võ Trường Hùng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/11/1977
- Nơi sinh: Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Long An
- Địa chỉ thường trú: 33 Phạm Văn Chiêu, Phường 6, Thị xã Tân An, Long An
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84 - 08) 38241 288
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:
 - 🚩 Từ 1999-2003 : Chuyên viên Phòng Kế toán Công ty Kinh doanh chế biến Mì màu.
 - 🚩 Từ 2003- 2008 : Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Lương thực Miền Nam.
 - 🚩 Từ 2008 – nay : Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Lương thực Miền Nam
- Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO

- Số cổ phần nắm giữ: 270.600 cổ phần
- Trong đó:
 - + Sở hữu: 0 cổ phần
 - + Đại diện phần Vốn Nhà nước: 270.600 cổ phần
- Số cổ phần những người có liên quan : không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

b. Thành viên Ban Kiểm soát - Bà Phạm Thanh Loan

- Họ và tên: Phạm Thanh Loan
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 06/12/1963
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Long
- Địa chỉ thường trú: 98/3 Diên Hồng, Phường 1, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84 - 08) 37245 267
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính
- Quá trình công tác:
 - 🚩 Từ 1983-1988 : Xí nghiệp Vận tải Lâm sản Đường thủy.
 - 🚩 Từ 1988-1995 : Xí nghiệp Chế biến Cung ứng XK Gỗ Phú Lâm.
 - 🚩 Từ 1995-1998 : Công ty TNHH Đông Hưng.
 - 🚩 Từ 1998-2000 : Công ty TNHH Tân Phương.
 - 🚩 Từ 2001-2005 : Kế toán Tổng hợp Xí nghiệp Lương thực - Thực phẩm SAFOCO.
 - 🚩 Từ 2005 - 2006 : Kế toán Tổng hợp Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO.

- ✚ Từ 2007 - nay : Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
- Chức vụ hiện nay: Ủy viên Ban Kiểm soát kiêm Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
- Số cổ phần nắm giữ: 14.700 cổ phần
- Số cổ phần những người có liên quan : không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

c. Thành viên Ban kiểm soát – Ông Trần Hoàng Thao

- Họ và tên: Trần Hoàng Thao
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 11/09/1961
- Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú: 286 Tô Ngọc Vân, Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 38975 086
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chuyên ngành Chế tạo máy; Kinh tế chính trị
- Quá trình công tác:
 - ✚ Từ 1986 – 1991 : Nhân viên phòng Kỹ thuật, Phó xưởng nệm sơ dừa, Phụ trách cơ điện Xí nghiệp thuộc Công ty Công nghiệp cao su – Tổng cục cao su
 - ✚ Từ 1991 – 1998 : Quản đốc phân xưởng cơ điện kiêm quản đốc phân xưởng giấy

- ✚ Từ 1998 – 4/2005 : Trưởng phòng Cơ Nhiệt Điện Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm Safoco trực thuộc Công ty Lương thực Tp.HCM.
- ✚ Từ 5/2005 – nay : Trưởng phòng Cơ Nhiệt Điện Công ty CP Lương thực Thực phẩm Safoco.
- Chức vụ hiện nay: Ủy viên Ban kiểm soát kiêm Trưởng phòng Cơ Nhiệt Điện Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO
- Số cổ phần nắm giữ: 2.600 cổ phần
- Số cổ phần những người có liên quan : không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

14.3. **D**anh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

a. **T**ổng Giám đốc - Bà Phạm Thị Thu Hồng

✚ Lý lịch trình bày tại phần Hội Đồng Quản Trị.

b. **Phó Tổng Giám đốc - Ông Nguyễn Tuấn Bao**

✚ Lý lịch trình bày tại phần Hội Đồng Quản Trị.

c. **Phó Tổng Giám đốc - Ông Huỳnh Anh Minh**

✚ Lý lịch trình bày tại phần Hội Đồng Quản Trị.

15. **T**ÀI SẢN

15.1. **G**ía trị tài sản cố định

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Năm 2007			Năm 2008		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL /NG (%)	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL /NG (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	22.309.721.500	9.462.972.613	42,4%	21.488.763.666	11.140.057.155	51,8%
Máy móc thiết bị	13.972.207.268	3.831.016.471	27,4%	16.674.037.649	5.397.423.780	32,4%
Phương tiện vận tải	4.456.320.849	1.502.124.502	33,7%	4.346.320.849	917.260.555	21,1%
Thiết bị quản lý	545.805.688	12.012.561	2,2%	348.056.853	15.118.129	4,3%
Tài sản khác	31.198.600	0	0,0%	31.198.600	-	0,0%

Tổng cộng	41.315.253.905	14.808.126.147	35,8%	42.888.377.617	17.469.859.619	40,7%
-----------	----------------	----------------	-------	----------------	----------------	-------

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007 và 2008)

15.2. Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng

Công ty đã xây dựng được hệ thống các Nhà máy và cửa hàng trong khu vực thành phố, bao gồm:

- ✦ Văn phòng tọa lạc tại địa chỉ 7/13-7/25 Kha Vạn Cân, P.Linh Tây, Quận Thủ Đức
- ✦ Nhà máy Sản xuất mì, nui với diện tích 27.000m² tại 7/13 - 7/25 Đường Kha Vạn Cân, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, Tp.HCM.
- ✦ Nhà hàng ăn uống Hoa viên Nam Bộ, diện tích 1.600 m² tại 49/1 Hòa Bình, phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Tp.HCM
- ✦ Kho chứa hàng thành phẩm với diện tích 8.900m² tại 430 Đường Trần Văn Kiểu, Phường 7, Quận 8, Tp.HCM.
- ✦ Gian hàng bán hàng lương thực - thực phẩm với diện tích 128m² tại 210 Đường Bà Hạt, Phường 9, Quận 10, Tp.HCM.
- ✦ Gian hàng bán vật liệu xây dựng với diện tích 101m² tại 198 - 200 Đường Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Tp.HCM.
- ✦ Gian hàng bán hàng lương thực - thực phẩm với diện tích 76m² tại 482 Đường Cách mạng Tháng 8, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

16. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC GIAI ĐOẠN 2009 - 2011

16.1. Định hướng phát triển của SAFOCO tới năm 2011

- ✦ Nắm bắt chủ trương của Đảng, Nhà nước và Chính phủ đối với việc phát triển kinh tế tư nhân, tiếp tục đầu tư để đưa Công ty phát triển bền vững, tuân thủ pháp luật, tích cực đóng góp cho sự phát triển của xã hội, góp phần đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.
- ✦ Đa dạng hóa sản phẩm, tạo ra nhiều sản phẩm chủ lực, đảm bảo chất lượng, khẩu vị mới lạ, đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng trong và ngoài nước.
- ✦ Phát triển và nâng cao giá trị thương hiệu SAFOCO, đưa thương hiệu SAFOCO trở thành một thương hiệu mạnh không chỉ ở trong nước mà còn ở các thị trường hiện có ở nước ngoài như Mỹ, Nhật, ASEAN, và một số thị trường sẽ khai thác như Châu Âu, Trung Đông,...

- ✦ Hiện đại hóa quản lý bằng cách tái cấu trúc bộ máy, phát triển nguồn nhân lực, thu hút chất xám trong và ngoài nước, tin học hóa ứng dụng các phần mềm quản lý và sản xuất, nâng cao hiệu quả việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn ISO, HACCP và các hệ thống quản lý tiên tiến nhất.
- ✦ Không ngừng cải thiện điều kiện làm việc và các chế độ phúc lợi đối với người lao động, xây dựng đại gia đình SAFOCO, chia sẻ lợi nhuận với những người có quá trình làm việc và đóng góp cho sự phát triển của Công ty thông qua các kế hoạch thưởng hoặc bán cổ phần cho CBCNV.
- ✦ Vun đắp và phát triển các mối quan hệ hợp tác với các nhà phân phối, đại lý, khách hàng trên cơ sở thông hiệu và cùng chia sẻ lợi ích.
- ✦ Tăng cường mở rộng các mối quan hệ liên doanh, liên kết ngoài nước nhằm mở rộng hoạt động của các đơn vị trực thuộc thông qua các đối tác trên toàn cầu.

16.2. Kế hoạch đầu tư

Trong năm 2009, Công ty dự kiến sử dụng quỹ đầu tư phát triển, quỹ khấu hao để đầu tư mới máy móc thiết bị và xây dựng, mở rộng mặt bằng sản xuất nhằm giúp Công ty nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong tương lai. Tổng mức đầu tư dự kiến trong năm 2009 là 11.540 triệu đồng, cụ thể các khoản mục đầu tư được thể hiện ở bảng dưới đây:

Khoản mục	Giá trị (đồng)
Tổng mức đầu tư	11.540.000.000
– Mua sắm máy móc thiết bị, xe tải	650.000.000
– Xây dựng cơ bản	10.890.000.000
Nguồn đầu tư	11.540.000.000
– Quỹ đầu tư phát triển	6.300.000.000
– Quỹ khấu hao	5.240.000.000

(Nguồn: SAFOCO)

16.3. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2009 – 2011

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	27,06	27,06	27,06
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	300	380	400
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	10,8	13,5	15
LN sau thuế / doanh thu thuần (%)	3,6	3,55	3,75
LN sau thuế / Vốn điều lệ (%)	39,91	49,98	55,43
Cổ tức tính trên mệnh giá (%)	20	18	21

(Nguồn: SAFOCO)

17. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO.

Chúng tôi cho rằng kế hoạch kinh doanh mà SAFOCO dự kiến là có thể chấp nhận được vì các lý do sau:

- Mặc dù trong giai đoạn 2009 – 2011 nền kinh tế Việt Nam sẽ phải đối mặt với rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nhưng ngành thực phẩm chế biến nói chung và ngành nui mì nói riêng sẽ vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng ổn định. Điều này chủ yếu do sản phẩm mì, nui là mặt hàng thiết yếu có độ co giãn về giá thấp. Theo dự báo của tổ chức nghiên cứu thị trường Euromonitor, doanh thu toàn ngành mì sẽ tăng từ 6.080 tỷ đồng (năm 2009) lên 7.645,1 tỷ đồng vào năm 2012, tăng trưởng kép bình quân giai đoạn 2007 - 2012 đạt 9,74%/năm.
- Với những ưu thế sẵn có và ngày càng được củng cố, sản phẩm của SAFOCO chắc chắn sẽ giữ vững được vị trí hàng đầu của mình ở trong nước và gia tăng sản lượng xuất khẩu.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch. Chúng tôi cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

18. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY

Không có.

19. CÁC THÔNG TIN TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY CÓ THỂ GÂY ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- | | |
|---|--------------------|
| 1. LOẠI CHỨNG KHOÁN: | Cổ phiếu phổ thông |
| 2. MỆNH GIÁ: | 10.000 đồng |
| 3. TỔNG SỐ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT: | 2.706.000 cổ phiếu |

4. GIÁ NIÊM YẾT DỰ KIẾN

Giá niêm yết dự kiến của cổ phiếu SAF là giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ:

Giá dự kiến niêm yết được xác định bằng giá đóng cửa ngày giao dịch cuối cùng của cổ phiếu SAFOCO tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

6. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẴM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài.

Theo quy định hiện hành, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO khi niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ tối đa của người nước ngoài là 49%.

Tính vào thời điểm hiện tại (09/03/2009), tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài của Công ty là 5,27% vốn điều lệ (tương ứng với 95.940 cổ phiếu).

7. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG

7.1 Danh sách nội bộ chịu hạn chế chuyển nhượng

Quyết định 189/QĐ-UBCK ngày 25/03/2009 của UBCKNN về việc ban hành Quy trình chuyển đăng ký niêm yết giữa các Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM thì cổ đông là thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và kế toán trưởng của công ty khi thực hiện chuyển niêm yết phải tiếp tục thực hiện các cam kết nắm giữ cổ phiếu do mình sở hữu khi thực hiện niêm yết lần đầu nếu các cam kết này còn hiệu lực.

Trường hợp của SAFOCO, theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán tại thời điểm niêm yết lần đầu (ngày niêm yết: 28/12/2006), các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ ít nhất 50% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 03 năm, kể từ ngày niêm yết, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

S tt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP đại diện phần vốn	SLCP sở hữu cá nhân	Địa chỉ	CMND	Ngày cấp	Nơi cấp
Hội đồng quản trị								
1	Phạm Thị Thu Hồng	Chủ tịch HĐQT	541.200	72.380	173 Nguyễn Kim, Phường 7, Quận 10, Tp.HCM	022482201	22/3/2006	Tp.HCM
2	Nguyễn Tuấn Bao	Phó Chủ tịch HĐQT	270.600	68.710	172 Bà Hạt, Phường 9, Quận 10, Tp.HCM	022675792	02/8/2006	Tp.HCM
3	Huỳnh Anh Minh	Thành viên HĐQT	0	55.000	35 Nhiêu Tâm, Phường 5, Quận 5, Tp.HCM	022515752	01/12/199 5	Tp.HCM
4	Trần Đăng Minh	Thành viên HĐQT	305.530	0	220/25 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM	023280770	07/9/1994	Tp.HCM
5	Nguyễn Thị Nga	Thành	0	23.340	57/2 Nguyễn	020796352	08/7/2008	Tp.HCM

S tt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP đại diện phần vốn	SLCP sở hữu cá nhân	Địa chỉ	CMND	Ngày cấp	Nơi cấp
		viên HDQT,			Thông, Phường 9, Quận 3, Tp.HCM.			
Ban kiểm soát								
1	Võ Trường Hùng	Trưởng Ban kiểm soát	270.600	0	43/2 Thành Thái, P14, Quận 10, Tp.HCM	300855778	14/8/2006	Long An
2	Phạm Thanh Loan	Thành viên Ban kiểm soát	0	9.000	98/3 Diên Hồng, P.1, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM	020913574	17/7/1999	Tp.HCM
3	Trần Hoàng Thao	Thành viên Ban kiểm soát	0	2.600	286 Tô ngọc Vân KP2 P.Linh Đông Thủ Đức, Tp.HCM	022759353	28/3/2007	Tp.HCM
Ban Tổng Giám đốc								
1	Phạm Thị Thu Hồng	Tổng Giám đốc	541.200	72.380	173 Nguyễn Kim, Phường 7, Quận 10, Tp.HCM	022482201	22/3/2006	Tp.HCM
	Nguyễn Tuấn Bao	Phó Tổng Giám đốc	0	68.710	172 Bà Hạt, Phường 9, Quận 10, Tp.HCM	022675792	02/8/2006	Tp.HCM
2	Huỳnh Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc	0	55.000	35 Nhiêu Tâm, P 5, Q 5, Tp.HCM	022515752	01/12/199 5	Tp.HCM
Kế toán trưởng								
1	Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng	0	23.340	57/2 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Tp.HCM.	020796352	06/7/1993	Tp.HCM

(Nguồn: Sổ theo dõi cổ đông SAFOCO ngày 09/03/2009)

7.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Căn cứ Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4103003305 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 04 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 01 năm 2009, danh sách cổ đông sáng lập của SAFOCO như sau:

Số TT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc tổ chức	Số lượng cổ phần
01	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam Đại diện :	42 Chu Mạnh Trinh, Quận 1, Tp.HCM	
	Phạm Thị Thu Hồng	173 Nguyễn Kim, Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	112.840
	Nguyễn Tuấn Bao	172 Bà Hạt, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	
	Trần Đăng Minh	220/25 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 8, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	
	Võ Trường Hùng	43/2 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	
02	Huỳnh Anh Minh	35 Nhiều Tâm, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh	11.054
03	Nguyễn Thị Nga	57/2 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	11.095
04	Và 354 Cổ đông khác		85.011
	Tổng cộng		220.000

Ghi chú: mệnh giá tại thời điểm đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 04 năm 2005 là 100.000 đồng/cp.

8. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

Do chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần vào tháng 04/2005, nên SAFOCO được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm (năm 2005 - 2006) và giảm 50% thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm tiếp theo (năm 2007 - 2009). Từ năm 2010 trở đi, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty phải chịu là 25%.

Hiện nay, mức thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng cho Công ty là 10% đối với doanh thu nội địa và 0% đối với doanh thu xuất khẩu.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Trụ sở chính: Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 - 04) 3928 8080 Fax: (84 - 04) 3928 9888

Chi nhánh: Số 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 - 08) 3821 8564 Fax: (84 - 08) 3821 8566

Website : www.bvsc.com.vn

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Trụ sở: 01 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội

Điện thoại: (84 - 04) 8241 990 Fax: (84 - 04) 8253 973

VII. PHỤ LỤC

1. PHỤ LỤC I : GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
2. PHỤ LỤC II : ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO
3. PHỤ LỤC III : BÁO CÁO KIỂM TOÁN NĂM 2007 VÀ NĂM 2008.
4. PHỤ LỤC IV : DANH SÁCH THÀNH VIÊN CHỦ CHỐT CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT
5. PHỤ LỤC V : NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA VIỆC NIÊM YẾT



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng.... năm 2009

CHỮ KÝ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯỜNG HÙNG

NGUYỄN THỊ NGA